



Mục lục

SỰ KIỆN

4 Vận hội mới của đất nước

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

7 Một số nội dung mới trong Dự thảo văn kiện Đại hội XIII về thể

21 VŨ VĂN HIỀN:

Đối thoại với "Thế giới phẳng"

27 NGUYỄN VIỆT THÔNG:

Phải chăng Việt Nam đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa và trách nhiệm chủ nghĩa xã hội?

42 NGUYỄN XUÂN YÊM:

Phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống phục vụ phát triển bền vững Việt Nam

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

53 Một số kết quả nổi bật của Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020

64 Kết quả công tác năm 2020 của Hội đồng Lý luận Trung ương

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

70 Kỳ họp thứ 15 Hội đồng Lý luận Trung ương



Chúc Mừng Năm Mới

*Luân Tân Sửu
2021*

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam





SỰ KIỆN

VẬN HỘI MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

GS, TS VŨ VĂN HIỀN*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

Việt Nam thăng thang đường lớn bước vào năm mới của thập niên thứ ba, thế kỷ XXI với tư thế tự tin, sinh lực dồi dào và tràn đầy bản lĩnh. Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam có nhiều thời kỳ phát triển rực rỡ nhưng chưa bao giờ phong độ của quốc gia, vị thế của dân tộc có được như bây giờ. Trong ấm tình non nước với hương vị ngày xuân, chúng ta càng thấy phấn khích và dào dạt niềm tin để cùng ngân nga câu nói của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

Đó là câu nói thật giản dị nhưng vô cùng sâu sắc, rất đỗi tự hào. Non sông ta, đất nước ta đang như thế. Qua 35 năm đổi mới, hội nhập quốc tế, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất

nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn rất đáng tự hào.

Thực tế ngày càng minh chứng đường lối đổi mới và chính sách hội nhập quốc tế của Đảng là hết sức đúng đắn, sáng tạo, hiệu quả. Đổi mới và hội nhập quốc tế là nhằm mục tiêu phát triển đất nước; là hai tố chất có quan hệ thúc đẩy lẫn nhau, tạo động lực cho sự phát triển bứt phá. Đổi mới thực sự là quá trình gạt bỏ và tháo gỡ những cản trở, tổ chức lại cơ cấu và hoạt động xã hội, giải phóng mọi năng lực, động viên và sử dụng hiệu quả mọi tiềm năng để tạo ra nội lực và sự thông thoáng có sức lan tỏa và hấp dẫn bên trong. Mở cửa, hội nhập quốc tế là sự vươn xa, tiếp thu những nguồn lực mới, chắt lọc cái hay, cái đẹp của nhân loại để tăng thêm sức vóc, làm đẹp cho

mình, biến cái chưa thể thành cái có thể, nhân lên sức mạnh đang có, để có những bước phát triển sáng tạo, vượt bậc, biết mình, biết người hơn.

Đổi mới và hội nhập quốc tế được vận hành đồng bộ, nhịp nhàng đã trở thành động lực to lớn giải phóng năng lực sản xuất, làm thay đổi bộ mặt xã hội; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, chính trị ổn định, định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng sâu đậm, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường, quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng phát triển và đẩy mạnh thêm. Thành tựu to lớn của chúng ta trong những năm qua đã chứng tỏ năng lực sáng tạo cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta là vô cùng to lớn, đã mang đến cho đất nước ta một luồng sinh khí mới, một thể mới, lực mới, gia tốc mới và vận hội mới.

Tiếp tục hành trình đổi mới, trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII vừa qua, nền kinh tế nước ta có bước phát triển mới, kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; hội nhập quốc tế phát triển sâu, rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, chất lượng về thực

thi ký kết nhiều hiệp định thương mại song phương, đa phương thế hệ mới; xuất nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư tăng nhanh. Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 và thiên tai, lũ lụt nghiêm trọng ở các tỉnh miền Trung đã tác động hết sức nặng nề đến toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Mặc dù vậy, quy mô nền kinh tế có bước phát triển mới, đạt 268,4 tỷ USD, đứng trong топ 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới; thu nhập đầu người đạt 2.750 USD/người/năm, chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện, năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011-2015 lên 5,9%/năm giai đoạn 2016-2020. Năm năm qua, chúng ta đã tạo ra hơn 1.200 tỷ USD giá trị GDP. Theo thống kê của Ngân hàng thế giới với tăng trưởng bình quân gần 6%/năm giai đoạn 2016-2020, Việt Nam nằm trong топ những quốc gia tăng trưởng cao nhất toàn cầu. Thương hiệu quốc gia của Việt Nam lên đến 319 tỷ USD để vươn lên vị trí 33 (tăng 9 bậc) trong топ 100 thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới.

Năm 2020 là một năm đặc biệt và đầy khó khăn, thách thức đối với nước ta. Vừa cùng toàn thế giới phòng

chống đại dịch Covid-19, nước ta còn phải hứng chịu 13 cơn bão, hơn 100 lượt lũ quét, chúng ta lại đảm đương cùng lúc 2 nhiệm vụ phức tạp: là nước Chủ tịch ASEAN và là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Nhờ có quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, chúng ta đã hoàn thành khá toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ. Việt Nam đã được bạn bè quốc tế đánh giá cao, được coi là điểm sáng về phòng, chống đại dịch Covid-19 và ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của nhân dân. Công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, lũ lụt tại miền Trung thành công không chỉ về tinh thần và ý chí vươn lên trong mọi khó khăn, thách thức, mà thể hiện thắm đậm tinh thần đồng chí, đồng bào.

Trong khó khăn chống chất như vậy, chúng ta đã duy trì, phục hồi, phát triển kinh tế đạt kết quả cao nhất có thể. GDP tăng trưởng dương, đạt 2,91%, thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Xuất nhập khẩu đạt 544 tỷ USD, đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục

và đào tạo, khoa học và công nghệ... tiếp tục phát triển có nhiều tiến bộ. Vai trò của Việt Nam trong năm Chủ tịch ASEAN, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc được hoàn thành tốt, thể hiện vai trò kết nối, tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác và làm sâu sắc thêm lòng tin của bạn bè quốc tế trong và ngoài khu vực.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, trên cơ sở khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta có vận hội mới vô cùng tốt đẹp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Có một câu hát rất hay mà chúng ta từng nghe: “Vận nước đã đến rồi, bình minh chiếu khắp nơi, dựng xây dựng non nước sáng tươi muôn đời”. Ai đang hát và lòng ta đang hát. Với hướng đi đúng đắn và quyết tâm chính trị cao trên cơ sở ý Đảng lòng dân hòa nhập, chúng ta tận dụng vận hội mới này để lập nên kỳ tích mới phát triển bền vững, vươn tầm, tiến theo nhịp bước thời đại □



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI TRONG DỰ THẢO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII VỀ THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

● GS, TS NGUYỄN QUANG THUẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Để góp phần tìm hiểu những nội dung cốt lõi trong trong dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, Bài viết này sẽ phân tích những nội dung mới, cốt lõi về chủ đề: Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Bài viết gồm 2 phần: 1. Cơ sở lý luận về thể chế kinh tế thị trường; 2. Những nội dung cốt lõi trong dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Cơ sở lý luận về thể chế kinh tế thị trường

1.1 Theo nhà kinh tế học Douglass North, thể chế bao gồm những ràng buộc phi chính thức (điều được thừa nhận hay cấm đoán theo phong tục, tập quán, truyền thống và đạo lý), những quy tắc chính thức (hiến pháp, pháp luật) và hiệu lực thực thi chúng¹. Thể chế bao hàm 3 khía cạnh quan trọng nhất: (1) luật chơi (các quy định); (2) người chơi (các chủ thể) bao gồm nhà nước, doanh nghiệp và người dân; (3) cách chơi

(mức độ tuân thủ các quy định, mức độ phối hợp với nhau, mức độ hợp tác với nhau).

Ba khía cạnh này được xem xét trong trạng thái động, trong đó có tính đến tương tác giữa các khía cạnh này. Đây là điểm then chốt giúp khắc phục được điểm yếu lớn của những cuộc thảo luận chính sách lớn hiện nay về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại, đó là tập trung nhấn mạnh vào khía cạnh đầu là hoàn thiện luật

lệ, quy định mà không chú ý hai khía cạnh sau là các chủ thể tham gia và hành vi, sự phối hợp của các chủ thể. Điều này dẫn đến một hiện tượng được một số chuyên gia gọi là “cấy ghép thể chế” (institutional transplant), tức là áp dụng luật lệ, quy định của các nước tiên tiến - được coi là có hình mẫu tốt nhất về thể chế - vào thực tiễn các nước đang phát triển. Trong nhiều trường hợp sự cấy ghép thể chế này thất bại do các nền kinh tế



khác nhau có sự khác biệt đáng kể về “cơ địa” (điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù), trong đó có sự khác biệt về cơ cấu người chơi và cách chơi². Nếu bỏ qua các khía cạnh về chủ thể và sự phối hợp giữa các chủ thể trong phân tích thể chế thì sẽ không thể hiểu được nhiều quốc gia, chính sách không hiệu quả vẫn tồn tại, chính sách hiệu quả lại không được chọn hoặc nếu được chọn lại chủ yếu chỉ nằm trên giấy mà không được thực thi hiệu quả trong

thực tiễn. Trong nhiều trường hợp, thể chế phi chính thống (tức là các thể chế trái ngược với các nguyên tắc mà các lý thuyết về thể chế đưa ra) lại tạo ra kết quả tích cực trong khi các thể chế tốt nhất lại thất bại.

Liên quan đến luật chơi, một điều cần chú ý là cần ưu tiên hoàn thiện những quy định có liên quan trực tiếp đến giải quyết những điểm nghẽn của tăng trưởng và phát triển. Luận điểm về ưu tiên xử lý điểm nghẽn dựa trên



thực tế là không khả thi khi thực hiện đồng thời một lúc các cuộc cải cách thể chế. Trong khi đó, thực hiện cải cách cục bộ vào những lĩnh vực không phải điểm nghẽn có thể lại tác động tiêu cực đến phát triển. Do vậy, một số chuyên gia đã đề xuất cách tiếp cận gọi là “chẩn đoán tăng trưởng” để xác định ra điểm nghẽn, làm cơ sở cho việc xây dựng ưu tiên trong cải cách thể chế³.

Liên quan đến các chủ thể, ngay bên trong một quốc gia cũng có sự thay đổi theo thời gian về số lượng và cơ cấu.

Liên quan đến sự phối hợp giữa các chủ thể thực tiễn cho thấy sự phối hợp khác nhau cũng dẫn đến kết quả khác nhau. Việc áp dụng lý thuyết trò chơi vào các lĩnh vực nghiên cứu thể chế giúp chỉ ra ba điều kiện liên quan đến cách chơi (hành vi và sự phối hợp của các chủ thể) có thể giúp nâng cao hiệu lực của thể chế, qua đó giúp thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và công bằng, đó là: (1) thực hiện cam kết một cách nhất quán; (2) phối hợp chặt chẽ; (3) hợp tác ở mức cao giữa những chủ thể, đây là ba điều kiện trọng yếu để tạo dựng và duy trì lòng tin và sự tin cậy lẫn nhau trong những người chơi⁴ là yếu tố then chốt nhất quyết định

đến mối tương tác giữa các thể chế với tăng trưởng và phát triển.

Trên cơ sở đó, vai trò của nhà nước cũng phải thay đổi, bên cạnh hai chức năng chính là xử lý các thất bại của thị trường (độc quyền và ngoại tác...) và bảo đảm công bằng xã hội theo cách tiếp cận truyền thống, thì nhà nước còn phải đóng vai trò tích cực hơn trong việc nâng cao và củng cố lòng tin bằng việc tuân thủ các cam kết, thúc đẩy phối hợp và hợp tác giữa các chủ thể trên thị trường để tạo ra những kết quả tốt nhất về tăng trưởng và phát triển.

1.2 Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vừa là mô hình kinh tế thị trường phổ quát, vừa có tính đặc thù riêng, cụ thể.

Thứ nhất, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là mô hình tự thân mang tính tất yếu khách quan, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam là sự vận động có chủ đích và định hướng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa ở Việt Nam là sự “tiến hoá tự giác” theo hướng tạo lập, khác biệt với việc phát triển kinh tế thị trường như thường thấy là sự “tiến hoá tự nhiên” theo hướng tự do và tự phát⁵.

Thứ hai, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vì con người, lấy con người là trung tâm của sự phát triển, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam được thể hiện qua các mặt:

- Định hướng xã hội chủ nghĩa trong mục tiêu phát triển: Thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đạt tới một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân;

- Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phương thức phát triển: Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững

chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng của sự phát triển.

- Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phân phối: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người; hoàn thiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội;

- Định hướng xã hội chủ nghĩa trong quản lý: Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng⁶.

Thứ ba, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, đáp ứng những chuẩn mực của nền kinh tế thị trường toàn cầu. Tiến trình hội nhập quốc tế theo chiều rộng và chiều sâu đã đưa nền kinh tế Việt Nam trở thành một bộ

phận hữu cơ, không thể tách biệt của nền kinh tế thị trường toàn cầu, trở thành một chủ thể trong sân chơi toàn cầu và phải tuân thủ những luật chơi toàn cầu.

Thứ tư, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường để đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường bền vững. Cần sử dụng nhà nước như một thực thể điều tiết vĩ mô, phục vụ, kiến tạo và quản lý phát triển nhằm thúc đẩy phát triển cũng như khắc phục các “thất bại của thị trường”, đặc biệt là những thất bại trong theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Nhà nước phải đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi chiến lược phát triển bền vững và phân phối lại, song không được làm triệt tiêu tăng trưởng và hiệu quả kinh tế.

Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần xác định vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội không phải là tranh chấp với thị trường, mà là kiến tạo thị trường qua

việc xây dựng hạ tầng kinh tế, kỹ thuật “cứng” và hạ tầng kinh tế, kỹ thuật “mềm” cho nền kinh tế, làm cho thị trường hoạt động tốt hơn. Chính vì vậy, thước đo tốt nhất để đánh giá việc Nhà nước thực hiện tốt vai trò của mình đối với nền kinh tế là mức độ lành mạnh của thị trường.

2. Một số nội dung mới về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN trong Văn kiện Đại hội XIII

Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN được bắt đầu ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, tuy nhiên, đây là vấn đề rường cột trong nội dung đổi mới và rất phức tạp, đòi hỏi sự đổi mới trong nhiều lĩnh vực. Vì vậy, trong nhiều nhiệm kỳ đại hội vấn đề này luôn được coi là một nội dung trọng tâm, cần phải được quán triệt cả về nhận thức và hành động. Đại hội VI của Đảng mở đầu công cuộc đổi mới, đã đưa ra đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trên cơ sở củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác, khẳng định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VII

của Đảng tiếp tục khẳng định “ Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Đại hội VIII của Đảng tiếp tục khẳng định chủ trương” phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời văn kiện Đại hội VIII cũng nhấn mạnh đến một số yếu tố cụ thể như đổi mới kinh tế Nhà nước và kinh tế hợp tác xã, thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.v.v... Đại hội IX của Đảng xác định” nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội X của Đảng nêu rõ mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại hội XI của

Đảng xác định hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong ba đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Văn kiện Đại hội cũng chỉ rõ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vừa theo quy luật thị trường vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đại hội XII trong phương hướng, mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và làm rõ và đầy đủ hơn nội hàm của nó.

Kế thừa và phát triển nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa qua các đại hội Đảng từ khi đổi mới đến nay, Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII nêu rõ “Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện phù hợp với các yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát

triển đồng bộ, gắn kết với thị trường khu vực và thế giới. Việc sản xuất, cung ứng nhiều loại hàng hóa, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo cơ chế giá thị trường; dỡ bỏ nhiều rào cản tham gia thị trường, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Phong trào khởi nghiệp sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khá sôi động; kinh tế nhà nước từng bước được sắp xếp, tổ chức lại có hiệu quả hơn; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế tập thể từng bước đổi mới, phát triển khá nhanh; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh có hiệu quả, trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta”

Tuy nhiên, dự thảo văn kiện Đại hội XIII khẳng định: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập chưa được tháo gỡ. Luật pháp, cơ chế, chính sách còn những quy định không thống nhất, môi trường đầu tư kinh doanh chưa được thông thoáng, minh bạch. Chưa tạo được đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Thể chế phát triển, điều phối kinh tế

vùng chưa được quan tâm và cụ thể hoá bằng pháp luật nên liên kết vùng còn lỏng lẻo.

Vì vậy, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm tới cần tập trung vào:

2.1 Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Báo cáo chính trị nêu rõ nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như sau: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu” dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà

nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội”.

Như vậy, điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII ở nội dung này thể hiện là ngay từ đầu Văn kiện đã nêu rõ nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta và trên cơ sở đó nhấn mạnh những nội dung quan trọng của nội hàm này, để từ đó thống nhất cách hiểu và thực hiện.

Kinh tế nhà nước được khẳng định là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng điều tiết dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Đây là chức năng quan trọng của kinh tế nhà nước, đồng thời cũng là điểm đặc trưng khác biệt, tiến bộ của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung

cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Kinh tế tư nhân được khẳng định là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế và được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hỗ trợ thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Đồng thời, Văn kiện lần này cũng nêu rõ mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Điểm mới nổi bật chính là trong quan hệ này bổ sung thêm nhân tố xã hội. Trong đó cũng nêu rõ vai trò của nhà nước, thị trường và xã hội trong mối quan hệ chung.

Nội dung xã hội được hiện ở chỗ các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

2.2. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn.

Điểm mới nổi bật ở đây thể hiện việc xác định hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường nói chung nhưng tập trung vào những tháo gỡ những điểm nghẽn, những vấn đề quan trọng đang cản trở sự phát triển kinh tế thị trường của nước ta. Cụ thể, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường vừa qua đã xác định một

trong những cản trở chính là hệ thống pháp luật còn chưa hoàn thiện, chồng chéo, ảnh hưởng đến phát triển nói chung. Đồng thời, trước yêu cầu phát triển mới, đặc biệt tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều ngành nghề mới ra đời cần phải có môi trường pháp lý đảm bảo cho sự phát triển. Vì vậy, văn kiện nêu rõ: “Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phát triển kinh tế số, hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm cá nhân và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp các ngành”.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường. Thực ra nội dung này đã được nêu trong các Văn kiện Đại hội trước. Tuy nhiên, điểm mới ở đây là khẳng định thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với

hàng hóa dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản. Trong những năm vừa qua, cơ chế thị trường của chúng ta còn lúng túng, nhất là xác định giá cả đối với các dịch vụ, nhất là dịch vụ công. Lần này, Văn kiện xác định cần nhất quán thực hiện giá thị trường, phân biệt rõ phúc lợi, ưu đãi hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tiếp tục nhấn mạnh phát triển thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực. Cụ thể phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo các phương thức tổ chức giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển đồng bộ thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại. Phát triển và quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản; thị trường sử dụng đất. Phát triển thị trường lao động, cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp tham gia hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế thị

trường. Xử lý tốt những bất cập của cơ chế thị trường, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước, nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu, thoái vốn, cổ phần hóa cơ cấu lại doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và áp dụng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại. Đồng thời, kiểm tra giám sát chặt chẽ không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ trang trại trong nông nghiệp. Hoàn thiện cơ chế chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, coi kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Phát triển doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động, và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi

trường, thực hiện các trách nhiệm xã hội. Nâng cao hiệu quả các dự án đối tác công tư trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng. Ưu tiên những dự án đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao, sẵn sàng chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Như vậy, Văn kiện Đại hội XIII đề cập nội dung này rất chú ý đến thể chế, tư việc hoàn thiện thể chế để tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản của kinh tế thị trường như thể chế xây dựng và hoàn thiện pháp luật, thể chế hình thành thị trường các yếu tố thị trường, các loại thị trường, thể chế thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

2.3 Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Văn kiện thể hiện rõ nội hàm ở chỗ: Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối chiến lược phát triển kinh tế của đất nước; phát triển kinh tế Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia. Đa phương hóa, đa

dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường bồi dưỡng đào tạo cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế.

Trong những năm vừa qua Việt Nam đã hội nhập hết sức sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Độ mở của nền kinh tế nước ta hiện vào loại cao nhất của thế giới với tỷ trọng xuất nhập khẩu trên GDP là hơn 200%. Việt Nam đã tham gia vào hầu hết các hiệp định đa phương thế hệ mới, cụ thể Việt Nam đã tham gia hiệp định đối

tác toàn diện tiến bộ xuyên thái bình dương(CPTPP), hiệp định FTA với liên minh châu Âu (EU), hiệp định đối tác khu vực toàn diện (RCEP) và mới đây là hiệp định FTA với Vương Quốc Anh. Để tham gia vào các hiệp định này Việt nam đã có những hoàn thiện căn bản hệ thống pháp luật theo yêu cầu, chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Thực tiễn 35 năm đổi mới đã khẳng định mở cửa, hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn mà đất nước đã đạt được. Đồng thời, chính mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng đã tạo ra áp lực để chúng ta cải cách thành công. Tuy nhiên, quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế cũng cho thấy cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, qua các cuộc khủng hoảng, hoặc những biến động của thế giới cho thấy để hội nhập thành công phải có nội lực mạnh, đồng thời, phải đa phương hóa, đa dạng hóa các đối tác, các thị trường để tránh những rủi ro và lệ thuộc. Kinh nghiệm thu hút đầu tư nước ngoài cũng cho thấy cần phải nhận thức sâu sắc hiệu quả của thu hút đầu tư, nhất là giai đoạn hiện nay, phải đảm bảo

thu hút được công nghệ cao, công nghệ sạch và làm tốt việc chuyển giao công nghệ cũng như gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

Tóm lại, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nội dung cốt lõi, được triển khai thực hiện xuyên suốt trong quá trình đổi mới kinh tế của nước ta. Qua các kỳ đại hội Đảng nội dung kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện hơn cả về nhận thức và thực hiện. Đại hội XIII của Đảng trong các văn kiện như Báo cáo chính trị; Tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội mười năm 2011-2020, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 đều có nội dung quan trọng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cả phần đánh giá và phương hướng. Nhìn chung, văn kiện Đại hội Đảng lần này về đánh giá đều khẳng định nhận thức về kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện hơn, đã chỉ rõ nội hàm và những nội dung trong tâm cần tiếp tục thực hiện để bảo đảm có nền kinh

tế thị trường hiện đại, đồng bộ, hội nhập quốc tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp bối cảnh mới hiện nay của nước ta □

¹ Nguyễn Quang Thuấn: *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, Số 6 (469), tháng 6/2017.

² Một ví dụ về thất bại của việc cấy ghép thể chế là trường hợp của Mông Cổ. Việc chính phủ Mông cổ quyết định áp dụng thông lệ quốc tế tốt nhất để quản lý các khoản thu tài chính từ nguồn từ khai thác tài nguyên thiên nhiên phụ vụ mục tiêu phát triển của mình bị thất bại dẫn đến Mông Cổ có thể rơi vào “lời nguyền tài nguyên” (các quốc gia có nhiều tài nguyên lại có tăng trưởng chậm, do luồng ngoại tệ lớn thu được từ xuất khẩu tài nguyên thúc đẩy giá trị đồng tiền nội tệ lên cao, làm bóp nghẹt nhiều ngành có tiềm năng xuất khẩu quan trọng, đặc biệt nông nghiệp và công nghiệp chế tạo). Trong khi đó, Chi Lê cũng áp dụng thể chế này thì đạt được mục tiêu của mình là duy trì được tăng trưởng, tránh được lời “nguyền tài nguyên”. (Nguồn: Ngân hàng thế giới (2017), *Governance and Law*).

³ Hausmann and Valasco, *Growth Diagnostic*, John F Kennedy School of Government, Harvard University, 2005, Massachusetts.

⁴ Kể cả trong kinh doanh, nếu hai bên tin cậy lẫn nhau do có quan hệ làm ăn hợp tác lâu năm nên không cần đến những hợp đồng hay thủ tục phức tạp để ràng buộc nhau trong các giao dịch cũng giúp giảm đáng kể chi phí giao dịch mà không cần cải thiện luật chơi. Ngược lại, nếu không có lòng tin sẽ cần luật chơi rất phức tạp, dẫn đến chi phí giao dịch ra tăng, làm thu hẹp các hoạt động kinh tế gây ảnh hưởng bất lợi đến tăng trưởng.

⁵ Ban chỉ đạo Tổng kết 30 năm đổi mới: *Báo cáo tổng quan về Bản chất kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, tháng 3/2014.

⁶ ĐCSVN: *Văn kiện đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2006.

ĐỐI THOẠI VỚI “THẾ GIỚI PHẪNG” (VỀ CUỘC TRAO ĐỔI VỚI NHÀ BÁO THOMAS FRIEDMAN)

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

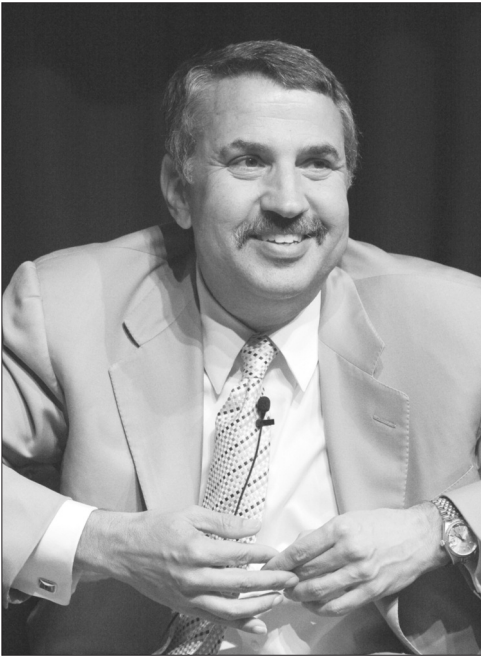
Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Tôi đã vào nghề báo hơn ba mươi năm, đã đi tới nhiều nơi ở trong và ngoài nước, tiếp xúc, gặp gỡ với nhiều người, kể cả nhiều nhân vật nổi tiếng, nhưng có lẽ một trong những ấn tượng sâu sắc với tôi là cuộc gặp nhà báo Thomas Friedman. Thomas Friedman là nhà báo Mỹ, nhà bình luận về quan hệ chính trị giữa các nước, chủ một chuyên mục của tờ báo nổi tiếng The New York Times. Thomas Friedman cũng là tác giả của những cuốn sách gây xôn xao thế giới như *Thế giới phẳng*, *Chiếc xe Lexus và cây ô liu*. Các tác phẩm đậm chất báo chí đó đã góp phần cắt nghĩa, phân tích cấu trúc toàn thế giới đương đại trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Cũng xin được nói thêm là cuộc “đối thoại” giữa tôi và ông còn có cả sự hiện diện của cán bộ Bộ Ngoại giao, hàng

chục nhà báo và các nhà lý luận tại Hội đồng Lý luận Trung ương.

Ngay khi bắt đầu cuộc trao đổi, Thomas Friedman đã chủ động kết thân: Đúng là thế giới “phẳng”, cả tôi và ông không hẹn mà hôm nay lại đeo chiếc đồng hồ cùng một hãng và cùng thể loại. Tôi cũng đùa lại là khi đọc xong cuốn sách *Chiếc xe Lexus và cây ô liu* của ông, tôi cũng đã cố gắng “sắm” một chiếc xe như thế để có thể tận hưởng cảm giác ngồi trong loại xe đó như thế nào.

Câu chuyện giữa hai chúng tôi cứ nở ra, rất thoải mái và thú vị. Thomas Friedman cho rằng, thế giới hiện nay đã “phẳng” hơn cả thế giới cách đây mười năm trước, hồi ông viết cuốn sách. Việc kết nối mạng bằng thông rộng, tích hợp và phổ cập các phương tiện truyền thông đã hết sức phát triển



Thomas Friedman _ Ảnh: IT

và lan tỏa trên phạm vi toàn cầu. Thế giới càng “phẳng”, con người càng được thưởng thức nhiều hơn, hưởng thụ nhiều hơn và sáng tạo hơn. Nhưng thế giới phẳng cũng khiến không ít việc trở nên khó khăn hơn. Đại thể như các nhà lãnh đạo bây giờ khó lắm. Nói như thế nào, hoạt động như thế nào, ngay từ vẻ mặt, cử chỉ như thế nào cũng bị các phương tiện thông tin đại chúng sấm soi. Trong con mắt của thiên hạ, đã làm lãnh đạo thì cái hay phải là đương nhiên, còn cái dở mà bị bày ra thì sẽ bị nhân lên và khó che

đậy. Rồi làm người bình thường bây giờ cũng khó. Ở Mỹ, đã có những nhà máy công nghiệp chỉ có một người quản lý hoặc ông chủ và một con chó. Tất cả các công đoạn sản xuất mà người bình thường làm được đã thay thế bằng các rôbot. Con chó sẽ được huấn luyện để xem rôbot nào bị hỏng, cần chỉnh sửa. Vậy nên, trong thế giới của tương lai, công việc bình thường sẽ do máy móc đảm nhiệm, còn người lao động làm việc khác. Đó là những việc sáng tạo và ngành nghề dịch vụ mới, đáp ứng với đời sống xã hội ngày càng phát triển. Bây giờ đã có cả phát thanh viên hoặc dẫn chương trình trên tivi là người máy. Ngay cả những người làm công việc thông tin truyền thông, báo chí cũng khó hơn trước rất nhiều. Tất cả các tin tức muốn có giá trị phải nhanh trên từng giây chứ không phải từng phút hoặc gọi là “cập nhật” như ngày xưa. Nếu muốn có tin mới xuất hiện ở đâu đó trên toàn thế giới chỉ cần mở các trang mạng. Vậy nên, người làm báo hiện đại phải nhanh nhạy hơn để cung cấp tin nóng hổi, hoặc từ việc tập hợp các tin tức để đưa ra những những phán đoán và nhận định của mình. Và như thế, nghề

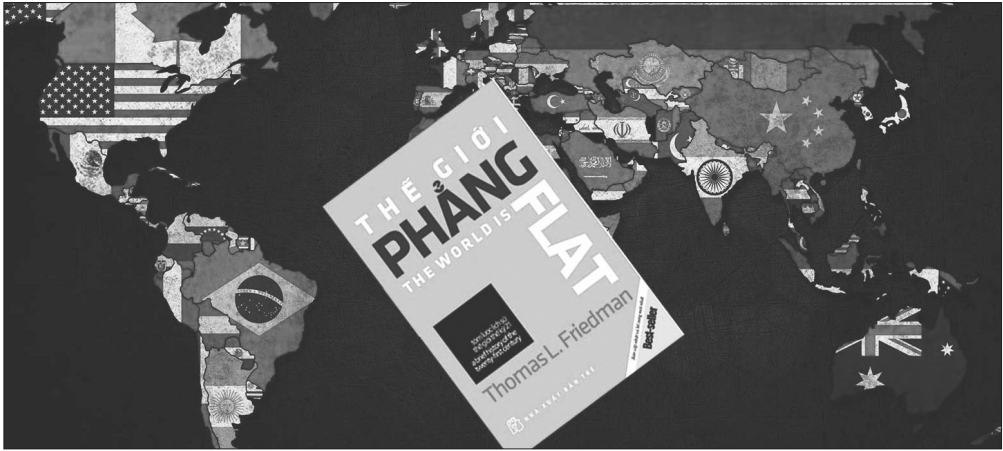
báo muốn tồn tại được phải làm khác trước và đáp ứng yêu cầu khác trước.

Thomas Friedman cũng bày tỏ công nghệ mới đã giúp nhóm công tác của ông ta tìm ra những tin “động trời”, như số tiền của một số gia đình các quan chức Trung Quốc đã nghỉ hưu gửi tại các ngân hàng nước ngoài. Nói về Trung Quốc, nhà báo nổi tiếng này đánh giá rất cao về những thành tựu mà Trung Quốc đã thực hiện được trong mấy thập kỷ qua, đồng thời cũng đưa ra nhiều cảnh báo về những mặt trái của Trung Quốc đương đại. Cũng từ những vấn đề đối với Trung Quốc, ông chuyển trọng tâm các câu hỏi sang tôi. Có ba câu hỏi mà ông ta đặt ra: *Một là*, thế giới đương đại như thế nào, có “phẳng” như ông ta nói không? *Hai là*, đánh giá nhận xét và so sánh giữa Trung Quốc với Mỹ; và *ba là*, khả năng thực hiện “giấc mộng” của Trung Quốc và việc “gây sự” của Trung Quốc với các nước, trong đó có Việt Nam sẽ tiến triển ra sao?

Tôi cho rằng, nói thế giới “phẳng” như Friedman đã phân tích có nhiều điều đúng và thực tế đã “phẳng” hơn cả những gì ghi trong sách báo. Ở Việt Nam cũng đã thấy nhiều điều rất thú vị.

Thay những chú trẻ cưỡi trâu ngày xưa bằng các cậu bé, cô bé ở nông thôn hiện nay đi học bằng xe đạp điện, trên tay hoặc trong túi có điện thoại di động để sẵn sàng gọi bạn, gọi cho người thân. Thường xuyên lúc nào cũng có hàng triệu các cuộc gặp gỡ trao đổi của người dân qua các phương tiện thông tin liên lạc. Chỉ mới thôi mà chiếc điện thoại di động đối với nhiều người luôn gắn bó và cần thiết như tay, chân của mình vậy. Trước khi đi làm, có thể quên hoặc không kịp ăn sáng nhưng nhất định phải mang theo điện thoại di động.

Đúng là có một “thế giới phẳng” ngày càng rõ nét và dễ thấy. Nhưng đó chỉ là nhìn nhận ở khía cạnh tiến bộ của thế giới về khoa học - công nghệ. Còn một thế giới đương đại khác, một thế giới hết sức “gồ ghề” về chính trị, trật tự thế giới. Tôi nói, thế giới đang “mất trật tự” tới mức mà ngay cả như ông Obama, Tổng thống Mỹ, quyền lực như thế, tài năng như thế mà xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng rất ít khi tươi cười, thậm chí hình ảnh nhau mày, nhăn mặt nhiều hơn. Vì sao vậy? Vì ông ta chưa biết hành động thế nào cho phải khi Nga sáp nhập Crimea chỉ trong thời gian



Tác phẩm Thế giới phẳng của tác giả Thomas Friedman _ Ảnh: IT

ngắn mà hầu như không mất một mũi tên, hòn đạn nào; vì Trung Quốc đang ngang nhiên đòi độc chiếm biển Đông Bắc rồi tới biển Đông; vì các chính quyền Mỹ trước đây đã phá tan thể chế và đất nước Irắc, tiêu tốn cả ngàn tỷ USD, hàng ngàn lính Mỹ thiệt mạng nhưng nay Irắc lại hỗn loạn hơn cả thời xưa; vì ở Afganixtan, Mỹ và NATO chưa rút hết quân nhưng đã có dấu hiệu tan hoang không theo kịch bản và sắp đặt, tiền của và sinh mạng của những người lính các nước phương Tây đã thành mây khói. Rồi tình hình ở Ai Cập, Xyri, ở một số nước châu Phi với bao tình huống phức tạp không thể kiểm soát nổi. Vậy thế giới này đang êm đềm “phẳng phiu” hay đang thật gập ghềnh và không yên ả.

Về câu hỏi thứ hai là so sánh giữa Trung Quốc và Mỹ. Thật khó vì mọi sự so sánh đều khập khiễng. Tuy nhiên, đã gọi là trao đổi trực tiếp, tôi vẫn đưa ra một sự nhận xét của mình. Nếu cứ theo như tình hình hiện tại, các dự báo đều cho rằng, chỉ khoảng trên dưới mười năm nữa là GDP của Trung Quốc sẽ ngang bằng với Mỹ và có thể vượt Mỹ. Cứ cho là như thế thì Trung Quốc vẫn khó so kè với Mỹ vì mấy điểm thua. *Thứ nhất*, Mỹ vẫn là nước có tiềm năng về khoa học kỹ thuật, sức mạnh quân sự và truyền thông áp đảo. Đã vậy, cơ chế của Mỹ có thể thu hút hầu hết các nhân tài và những chuyên gia hàng đầu của thế giới nên tiềm năng đó chỉ có lớn thêm. *Thứ hai*, cho dù GDP có ngang

nhau nhưng khi dân số của Mỹ chỉ bằng 1/5 của Trung Quốc thì thu nhập đầu người của Trung Quốc vẫn mãi mãi không theo kịp. *Thứ ba*, cách thức phát triển của Trung Quốc vừa qua có tốc độ rất cao nhưng lại tận dụng và làm cạn kiệt mọi tiềm năng về tài nguyên, nhiều liệu và tàn phá môi trường. Đã vậy khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng miền và trong các tầng lớp dân cư ngày càng doãng ra nên đó là sự phát triển thiếu bền vững, sẽ vấp phải nhiều hệ lụy và phải trả giá đắt. Trong khi đó, Mỹ tuy tốc độ phát triển đã tới ngưỡng nhưng lại vẫn giữ được môi trường tự nhiên là nguồn tài nguyên hết sức phong phú. Tuy nhiên, tôi cũng nêu rõ rằng thể chế của Mỹ hiện nay còn nhiều điều bất ổn. Mạnh như thế mà đôi khi cả bộ máy hành chính không có tiền để hoạt động mấy tuần liền. Rồi đến cả Tổng thống Mỹ đôi khi dù đã có kế hoạch thăm đầu đó cũng phải hủy bỏ vì không có ngân sách. Đó là chưa kể đến nước Mỹ cũng thiếu bình yên. *Năm là*, Trung Quốc đang trở dậy và những hành động ngang trái hiện nay, nhất là lời nói với việc làm hoàn toàn mâu thuẫn

nên sức mạnh “mềm” của Trung Quốc vốn chưa đủ sức thuyết phục lại bị yếu đi trông thấy. Những hành động ngang ngược ở biển Đông, cả thế giới đều thấy là việc làm sai trái, “lấy thịt đè người”. Vậy thì ai sẽ tin vào Trung Quốc?

Câu hỏi thứ ba của Friedman là vấn đề có tính thời sự mà cả thế giới đang quan tâm, nhất là mưu đồ độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc. Dẫn dắt câu chuyện này, tôi muốn bàn đến một điều là các nhà lãnh đạo Trung Quốc hay nhắc và làm theo người xưa, việc xưa. Họ nói, toàn thể Biển Đông là của họ do tổ tiên họ nói thế. Tôi thấy rằng con đường và cách thức mà Trung Quốc bấy nay thực hiện có nhiều điều tương tự những mưu mẹo của ông Khổng Minh bày đặt từ thời Tam quốc. Năm 1949, cách mạng Trung Quốc thành công và khi ấy thiên hạ đã chia hai, một bên là phe Liên Xô và một bên là Mỹ, giống như tình thế của Lưu Bị thời đó, một bên là thế lực của Tào Tháo và một bên là Tôn Quyền. Khổng Minh đã phân tích tình hình và chỉ cho Lưu Bị kế sách: Trước hết phải “nhất biên đảo” (nghĩa là theo một bên này để chống lại bên kia) và tiếp đó là “tọa sơn

quan hổ đấu” (xúi hai bên đánh nhau, một chết, một què thì sẽ nhảy lên bá chủ). Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã làm gần đúng như vậy. Những năm năm mươi và đầu những năm sáu mươi của thế kỷ trước, họ đứng hẳn về phía Liên Xô cùng phe xã hội chủ nghĩa. Liên Xô và nhiều nước khác đã giúp nhiều để Trung Quốc vươn dậy. Cho đến giữa những năm sáu mươi của thế kỷ 20, Trung Quốc bắt đầu chiến dịch chống chủ nghĩa xét lại và chống Liên Xô, đánh tín hiệu sang Mỹ. Quả nhiên là tới năm 1971, Trung Quốc đã bắt tay được với Mỹ. Rồi cũng như kịch bản xưa, Trung Quốc tích cực góp phần thúc đẩy cuộc chạy đua vũ trang Xô – Mỹ cực kỳ gay gắt và tốn kém, góp phần dẫn tới việc Liên Xô tan rã, Mỹ thì cũng bị “sút đầu, mẻ trán” và xuống sức trông thấy. Tất nhiên việc sụp đổ và tan rã Liên Xô cũng còn nhiều nguyên do chính yếu nữa mà câu chuyện này không xem xét tới. Nay Trung Quốc đang phát triển vượt trội, thực hiện “giấc mơ Trung Hoa” cũng là cách của người xưa truyền lại. Cũng cần nhớ một điều là ngay cả ông Khổng Minh tài giỏi như thế phò tá Lưu Bị lập bao công trạng nhưng cuối cùng cũng

không thể chiếm được Trung Nguyên, không thể bá chủ được thiên hạ. Đó cũng là điều mà những nhà chiến lược gia bạn của Khổng Minh và cả Khổng Minh đã thấy rõ nhưng nhà Thục vẫn cố làm nên việc bất thành. Câu chuyện “giấc mơ Trung Hoa” ngày nay cũng không kém phần khó khăn, thậm chí còn khó hơn trước bởi thế giới văn minh này khó lòng để mặc cho ý đồ bành trướng bá quyền để bề thao túng.

Lịch sử và truyền thống của Trung Quốc là vậy. Lịch sử hàng nghìn năm của Việt Nam cũng để lại cho thế hệ hôm nay nhiều bài học quý giá trong việc chống xâm lược và những phép để chiến thắng mọi thế lực đế quốc, ngoại xâm. Với truyền thống yêu nước quật cường của dân tộc, toàn Đảng và toàn dân Việt Nam có ý chí và nghị lực, có những giải pháp thích hợp, lại được sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế vì chính nghĩa, vì lẽ phải, nhất định Việt Nam sẽ bảo vệ được chủ quyền, toàn vẹn lãnh hải của mình. Đó là một điều chắc chắn.

Câu chuyện giữa hai chúng tôi diễn ra như thế. Cả tôi và ông Friedman đều hài lòng với những gì mà chúng tôi đã trao đổi □

PHẢI CHẰNG VIỆT NAM ĐANG ĐI THEO CON ĐƯỜNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA VÀ TRÁ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI?

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Một số luận điểm sai trái, thù địch về chủ nghĩa xã hội

Ngay từ khi mới ra đời cho đến ngày nay, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng đã bị các thế lực thù địch chống phá quyết liệt. Đặc biệt sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào, không ít người cho rằng chủ nghĩa cộng sản đã cáo chung; chủ nghĩa xã hội chỉ là ảo tưởng không bao giờ thực hiện được.

Có rất nhiều quan điểm phê phán con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; nhất là vào những thời điểm có tính quyết định về đường hướng phát triển đất nước. Chẳng hạn, sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước

đi lên chủ nghĩa xã hội; thời điểm chuẩn bị và thông qua Cương lĩnh năm 1991; thời điểm chuẩn bị và thông qua Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); thời điểm tiến hành các đại hội; thời điểm thông qua Hiến pháp, v.v..

Những năm gần đây, một số ý kiến cho rằng “Việt Nam kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là đi theo vết xe đổ của Liên Xô”, “Việt Nam đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa; ở Việt Nam chủ nghĩa tư bản đang diễn ra một cách cuồng nhiệt”, v.v..

Trước Đại hội XIII của Đảng, các thế lực thù địch tiếp tục đưa ra các quan điểm tấn công, xuyên tạc mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khái quát lại có hai loại quan điểm chính: Một là, Việt

Nam bỏ qua chế độ tư bản là trái quy luật, là duy ý chí nên chỉ thất bại; Hai là, Việt Nam đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa và trá hình chủ nghĩa xã hội.

2. Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là trái quy luật, là duy ý chí nên chỉ thất bại

Quan điểm trên hoàn toàn sai trái. Xin nêu những luận cứ chủ yếu.

Một là, Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến lên chủ nghĩa xã hội là hợp quy luật phát triển của lịch sử Xã hội loài người phát triển trải qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội nối tiếp nhau. Trên cơ sở tổng kết sự phát triển của xã hội loài người, phát hiện ra các quy luật vận động, phát triển khách quan của xã hội loài người, C.Mác đã rút ra kết luận: “Sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên”[1]. Các hình thái kinh tế - xã hội vận động, phát triển theo các quy luật khách quan, chứ không phải theo ý chí chủ quan của con người. V.I.Lênin viết: “Mác coi sự vận động xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên, chịu sự chi phối của những quy

luật không những không phụ thuộc vào ý chí, ý thức và ý định của con người mà trái lại, còn quyết định ý chí, ý thức và ý định của con người”[2].

Sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội vừa bị chi phối bởi các quy luật phổ biến, vừa bị chi phối bởi các quy luật đặc thù. Các quy luật phổ biến là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, v.v.. Sự tác động của các quy luật khách quan làm cho các hình thái kinh tế - xã hội phát triển thay thế nhau từ thấp đến cao, đó là con đường phát triển chung của lịch sử xã hội loài người.

Tuy nhiên, con đường phát triển của mỗi dân tộc không chỉ bị chi phối bởi các điều kiện phát triển cụ thể của mỗi dân tộc, như về điều kiện tự nhiên, về chính trị, về truyền thống văn hóa, về tác động quốc tế,... Vì vậy, lịch sử phát triển của xã hội loài người còn tuân theo những quy luật đặc thù, rất phong phú, đa dạng. V.I.Lênin chỉ rõ: “Tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ mà trái lại,

còn bao hàm một số giai đoạn phát triển mang những đặc điểm hoặc về hình thức, hoặc về trình tự của sự phát triển đó”[3].

Tính đặc thù trong lịch sử phát triển xã hội loài người thể hiện ở hai điểm: (1) Cùng một hình thái kinh tế - xã hội nhưng ở các nước khác nhau có những hình thức cụ thể; (2) Có những dân tộc lần lượt trải qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội tuần tự từ thấp đến cao, nhưng cũng có những dân tộc bỏ qua một hay một số hình thái kinh tế - xã hội nào đó. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã diễn ra như thế. Việc bỏ qua đó cũng diễn ra theo một quá trình lịch sử - tự nhiên, chứ không phải theo ý muốn chủ quan. V.I. Lênin đã phát triển sáng tạo lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ông chỉ ra hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội: (1) Quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội. Đây là con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước tư bản chủ nghĩa; (2) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua nhiều khâu trung gian, nhiều bước quá độ. Đây là con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước lạc hậu, kinh tế kém phát triển.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ Chánh cương vắn tắt, được thông qua tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng đã xác định làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đến Cương lĩnh năm 1991, Đảng xác định: “Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội và đó là quy luật tiến hóa của lịch sử”[4]. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) một lần nữa khẳng định: “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”[5]; “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”[6].

Hai là, thực tiễn phát triển của cách mạng nước ta từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo đã xác nhận: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn

Từ năm 1930 đến năm 1945, nhờ gắn vấn đề độc lập dân tộc với mục

tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy được sức mạnh to lớn của dân tộc, tiến hành Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành được chính quyền trong cả nước.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm, từ 1945 đến năm 1954, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ. Đó là kết quả của đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, năm 1954 miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng xác định nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của cách mạng cả nước. Với đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam được giải phóng, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) - Đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới. Đến nay, công cuộc đổi mới đã qua 35 năm và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Ba là, không thể có sự lựa chọn nào khác

Nhân dân Việt Nam đã từng sống cơ cực dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đã thấy rõ mặt trái của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản có vai trò to lớn trong



Đại hội lần thứ VI (12-1986), Đảng chủ trương đổi mới toàn diện và triệt để tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó Đảng đã xác định đúng trọng tâm, trọng điểm và bước đi trong quá trình đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị _ Ảnh: TL

lịch sử phát triển của xã hội loài người. Hiện nay, chủ nghĩa tư bản vẫn còn khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển, đạt được những thành tựu to lớn trong lĩnh vực kinh tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, nhưng bản chất của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi. Chủ nghĩa tư bản không phải là tấm gương phổ biến cho nhân loại. Chính các học giả tư bản đã thừa nhận các ung nhọt không

thể chữa khỏi. Xin nêu ý kiến của một nhà triết học và một nhà chính trị học.

Giác-cơ Đê-ri-đa - nhà triết học Pháp nổi tiếng, trong cuốn sách “Những bóng ma của Mác”, xuất bản năm 1993, đã nêu lên 10 ung nhọt của trật tự thế giới mới: (1) Nạn thất nghiệp; (2) Việc loại trừ hàng loạt công dân không nhà ở khỏi mọi sự tham gia và đời sống dân chủ của các

quốc gia, trục xuất, lưu đày những người lưu vong, không quốc tịch; (3) Cuộc chiến tranh không thương tiếc giữa các nước tư bản hàng đầu; (4) Sự bất lực trong việc chế ngự những mâu thuẫn về chuẩn mực và thực tế của thị trường tự do; (5) Sự gia tăng nợ nước ngoài; (6) Công nghiệp và buôn bán vũ khí; (7) Sự phát triển vũ khí nguyên tử vượt khỏi sự kiểm soát quốc tế; (8) Chiến tranh sắc tộc ngày càng nhiều; (9) Những nhà nước - ma siêu lực xâm nhập vào các tổ chức kinh tế - xã hội, vào sự lưu thông tư bản, vào cả các thiết chế quốc gia và liên quốc gia; (10) Sự bất bình đẳng giữa các quốc gia trước pháp luật. Sự bá quyền của một số quốc gia trong lĩnh vực luật pháp và thiết chế quốc tế.

Những ung nhọt đó, các nước tư bản tìm mọi cách để che dấu đi. Giắc-cơ Đê-ri-đa kêu gọi phải chiến đấu chống lại theo tinh thần của C. Mác.

Trong cuốn *Ngoài vòng kiểm soát*, Brêdinxky đã chỉ ra 20 khuyết tật của xã hội Mỹ và dự báo Mỹ sẽ mất vai trò siêu cường vào thế kỷ XXI: (1) Nợ nần; (2) Thâm hụt thương mại; (3) Khối lượng tiền tiết kiệm vào đầu tư

thấp; (4) Không có khả năng cạnh tranh công nghiệp; (5) Tỷ lệ tăng năng suất lao động thấp; (6) Chăm sóc y tế không đầy đủ; (7) Giáo dục trung học chất lượng kém; (8) Cơ sở hạ tầng của xã hội xấu đi và tình trạng sa sút lan tràn ở đô thị; (9) Một giai cấp giàu có tham lam; (10) Tình trạng kiện tụng tràn lan không đem lại lợi ích gì; (11) Vấn đề chủng tộc và nghèo đói ngày càng sâu sắc; (12) Tội ác và bạo lực tràn lan; (13) Sự lan tràn của nền văn minh ma túy ô ạt; (14) Tình trạng lan tràn tâm lý tuyệt vọng xã hội; (15) Quá nhiều giấy phép mại dâm; (16) Sự truyền bá ô ạt về đời trụ tinh thần bằng phương tiện nghe nhìn; (17) Suy giảm về ý thức công nhân; (18) Sự nổi lên của nền văn hóa đa phương có nhiều nguy cơ chia rẽ; (19) Một yếu tố trở ngại đang xuất hiện trong hệ thống chính trị. Nó làm cho cử tri càng thấy chính quyền của mình rất xa xôi, thiếu trách nhiệm, và tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi về giai cấp tinh hoa chính trị được hưởng những cơ hội không công bằng, được ngồi vững vàng trong chức vụ của mình; (20) Cảm giác tuyệt vọng về tinh thần ngày càng phổ biến.

Những nhận xét, đánh giá về chủ nghĩa tư bản của Giắc-cơ Đê-ri-đa và Brêdinxky đến nay vẫn đúng. Bản chất của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất và chế độ chiếm hữu tư bản tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Chính từ mâu thuẫn này đã dẫn tới mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản tiếp tục phát triển. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển vẫn tiếp tục gay gắt. Mâu thuẫn giữa các thế lực cường quyền, hiếu chiến muốn thống trị thế giới với nhân dân thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, công bằng, dân chủ và tiến bộ, xã hội... Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân túy trong quan hệ quốc tế gia tăng. Hoặc chủ nghĩa tư bản không vì con người thể hiện trong phòng, chống đại dịch Covid-19 ở các nước tư bản chủ nghĩa như Mỹ, Ấn Độ, Brasil,... là một minh chứng. Ở các

nước này số ca nhiễm và số ca tử vong rất cao.

Cũng có một số ý kiến đề xuất nước ta nên đi theo con đường xã hội dân chủ. Thật ra mô hình xã hội - dân chủ chỉ là một hình thái của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, cả về lý luận và thực tiễn, cả thực tế trong nước và trên thế giới chỉ ra rằng, muốn thay đổi căn bản địa vị, cuộc sống của nhân dân lao động, không có con đường nào khác ngoài con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Mọi con đường khác đều không được nhân dân lao động nước ta chấp nhận.

3. Luận cứ phê phán quan điểm cho rằng Việt Nam đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa và trá hình chủ nghĩa xã hội

Quan điểm trên hoàn toàn sai trái. Xin nêu những luận cứ chủ yếu.

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức ngày càng rõ hơn nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) xác định: “Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và khó khăn.

Đó là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội chủ nghĩa mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Đó là một thời kỳ đấu tranh giai cấp rất phức tạp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm giải quyết vấn đề “ai thắng ai” [7].

Đến Cương lĩnh năm 1991, Đảng xác định: “Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, từ một xã hội vẫn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp” [8]. Như vậy, Cương lĩnh năm 1991 có bước nhận thức mới - nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa chứ không phải bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng chưa định rõ nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Đến Đại hội IX (năm 2001), Đảng xác định: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến

trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ với nhiều chặng đường, nhiều hình thái tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ” [9]. Đây là bước tiến về nhận thức của Đảng khi xác định rõ nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Hai là, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức về chủ nghĩa xã hội ngày càng được bổ sung, hoàn thiện

Trong những cương lĩnh đầu tiên “Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt” (tháng 2 năm 1930) và “Luận cương chính trị” (tháng 10 năm 1930), Đảng đã chỉ rõ quá trình cách mạng không ngừng. Trước mắt, làm cách mạng tư sản dân quyền tiến lên con đường cách mạng vô sản. Đây là nhận thức đầu tiên rất quan trọng của Đảng

về quan hệ biện chứng giữa cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng vô sản.

Đại hội II của Đảng (năm 1951), dự báo, con đường đi đến chủ nghĩa xã hội là con đường khó khăn, lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn này không tách rời nhau, mà liên hệ mật thiết và xen kẽ lẫn nhau.

Đại hội III của Đảng (năm 1960), đã đưa ra những nhận thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Đại hội bước đầu phác họa những đường nét cơ bản về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta sẽ xây dựng ở miền Bắc: Xã hội ấm no, hạnh phúc; có nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối với công nghiệp hiện đại, nông

ng nghiệp hiện đại, quan hệ sản xuất mới với các hình thức khác nhau của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa; có nền đạo đức mới, văn hóa, khoa học, kỹ thuật tiên tiến; nhân dân lao động có đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được nâng cao; xã hội mới mà cơ sở là liên minh giữa giai cấp công nhân với các tầng lớp nhân dân lao động khác, chủ yếu là giữa công nhân và nông dân tập thể; có quan hệ hữu nghị quốc tế, trước hết là sự đoàn kết, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu. Về định hướng con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội xác định, phải sử dụng nhà nước dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ chuyên chính vô sản; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ tiến lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ tình trạng kinh tế rời rạc và lạc hậu tiến lên một nền kinh tế cân đối và hiện đại; tiến hành cách mạng xã hội

chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa, kỹ thuật; tăng cường đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh công nông; tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu.

Đại hội IV của Đảng (năm 1976), đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Đại hội chỉ rõ: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập,

thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”; “Phấn đấu hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng thời gian hai mươi năm”[10].

Đại hội IV của Đảng đã xác định rõ hơn tính chất, đặc điểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: “Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, vô cùng sâu sắc và triệt để. Đó là quá trình kết hợp giữa cải tạo có xây dựng, cải tạo để xây dựng, xây dựng để cải tạo, trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo, mà xây dựng là chủ yếu. Đó là quá trình vừa xóa bỏ cái cũ, vừa xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn. Phải tạo tất cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới; tạo ra cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới; tạo ra cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần mới. Đó là quá trình đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa giai cấp tư sản và vô sản, giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa”[11].

Đại hội V của Đảng (năm 1982), tiếp tục khẳng định những nhận thức và định hướng chung của Đại hội IV, đồng thời bước đầu có một số điều chỉnh về định hướng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, về vận dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quan hệ thị trường...”[12].

Những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta thời kỳ trước đổi mới tuy còn những hạn chế do hoàn cảnh lịch sử, song đó là những tiền đề lý luận rất quan trọng để Đảng kế thừa có chọn lọc, tiếp tục phát triển, từng bước hoàn thiện trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới.

Đại hội VI (năm 1986) đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới. Đại hội nhận thức sâu sắc hơn tính tất yếu, lâu dài, khó khăn của thời kỳ quá độ; khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; xác định mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ bao trùm trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng

đường tiếp theo[13]. Đại hội chủ trương, sau Đại hội sẽ xúc tiến xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, xác định đây “là sự kiện chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự chỉ đạo cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội”[14].

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh năm 1991 đã xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

“- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”[15].

Cương lĩnh năm 1991 xác định bảy phương hướng cơ bản cần nắm vững trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta: (1) Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; (2) Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại là nhiệm vụ trung tâm; (3) Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; (4) Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa; (5) Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; (6) Xây dựng chủ

nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; (7) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đại hội X của Đảng (năm 2006), tiến hành tổng kết 20 năm đổi mới, làm sáng tỏ hơn nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội khái quát tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa và xác định tám phương hướng cơ bản trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đã thông qua Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh năm 2011 bổ sung, phát triển những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, Cương lĩnh năm (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến,

đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”[16].

Về những phương hướng cơ bản đi lên chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định:

“Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập; tự chủ, hòa bình, hữu

ngợi, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”[17].

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nhất là tổng kết 30 năm đổi mới, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, các hội nghị Trung ương khóa XI, Đại hội XII và các hội nghị Trung ương khóa XII tiếp tục cụ thể hóa, bổ sung, làm sáng rõ hơn những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được trình bày trong Cương lĩnh năm 2011.

Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, Đảng nhận thức sâu sắc hơn mối quan hệ khăng khít, biện chứng giữa các đặc trưng cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Nội hàm của từng đặc trưng được bổ sung

những nhận thức mới, phù hợp với tình hình mới, yêu cầu mới, nổi bật là nhận thức về vai trò là chủ, làm chủ của nhân dân; về phát triển kinh tế nhanh, bền vững, hiện đại hóa lực lượng sản xuất trên nền tảng khoa học - công nghệ gắn với quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; về vai trò là sức mạnh nội sinh, động lực phát triển của văn hóa, vai trò chủ thể và trung tâm của con người; về đoàn kết dân tộc, sự gắn bó dân tộc và nhân loại, quốc gia và quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa; về dân chủ và pháp quyền; về lợi ích tối cao của quốc gia dân tộc trong quan hệ quốc tế...

Về những phương hướng cơ bản, Đảng đã có những nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược, phát triển nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; về hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hiện đại, hội nhập quốc tế. Đảng đã bổ sung nhận thức về mối quan hệ giữa phát triển văn hóa và xây dựng

con người; về đúc kết, phát huy hệ giá trị văn hóa, sức mạnh và giá trị của con người Việt Nam; về nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân, thực hiện hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách, từng bước phát triển. Nhận thức về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được hoàn thiện trên cơ sở phát triển chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Phương hướng thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế tiếp tục được bổ sung, phát triển gắn với yêu cầu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc; xử lý hiệu quả hợp tác và đấu tranh, đối tác và đối tượng. Phương hướng xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường, mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất được bổ sung những nhận thức mới về tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ công dân; thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì

nhân dân, Đảng nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước; xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, tăng cường phân cấp, phân quyền, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phương hướng xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh được bổ sung nhận thức mới về xây dựng Đảng toàn diện: chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; về xây dựng Đảng gắn với chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

Từ đó có thể khẳng định lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa ở Việt Nam ngày càng được xác định. So với chủ nghĩa tư bản đây là sự khác về chất. Nếu có gì gần giống thì có hai vấn đề: (1) đó là phát triển nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là thành tựu văn minh của nhân loại, được phát triển mạnh trong chủ nghĩa tư bản. Chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (2) đó là xây dựng Nhà nước pháp

quyền. Nhà nước pháp quyền cũng là thành tựu của nhân loại. Chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Từ đó có thể khẳng định Việt Nam không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Chúng ta kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng từng bước được hiện thực hóa. Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh. Đến 2020, GDP ước đạt gần 300 tỷ USD và GDP bình quân đầu người ngày càng tăng: 1945: 35 USD, 1975: 8 USD, 1985: 159 USD, 1990: 182 USD, đến 2020: gần 3.000 USD. Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 tác động lớn đến Việt Nam, gây ra nhiều khó khăn, thách thức, nhờ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, Việt Nam đã kiểm soát thành công đại dịch Covid-19; từng bước phục hồi sản xuất kinh doanh; ổn định đời sống nhân dân. Nhân dân tin Đảng, tin Nhà nước, tin chế độ xã hội chủ nghĩa □

PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VỚI CÁC NGUY CƠ, THÁCH THỨC, MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VIỆT NAM

● **Trung tướng GS, TS NGUYỄN XUÂN YÊM**

Nguyên Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an

● **Đại úy TS NGUYỄN VIỆT LINH**

Cục Đối ngoại, Bộ Công an

1. Nhận diện các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, đặc biệt là thập niên đầu thế kỷ XXI, thế giới có nhiều biến động phức tạp vượt qua khuôn khổ dự báo của giới nghiên cứu về một thế giới hòa bình, ổn định và thịnh vượng. Trong thế giới đương đại, bên cạnh các mối đe dọa về quân sự, vẫn tồn tại và xuất hiện nhiều yếu tố mới đe dọa đến an ninh con người và an ninh quốc gia như: khủng bố, dịch bệnh lây lan nhanh ở người và động vật, biến đổi khí hậu, mua bán ma túy, mua bán phụ nữ và trẻ em, di

cư xuyên biên giới, tội phạm mạng...

Trong bối cảnh đó, những nhận thức về an ninh cũng thay đổi nhanh chóng. Bên cạnh những quan niệm đã và đang được sử dụng xung quanh chủ đề này như: an ninh tập thể, an ninh chung, an ninh toàn diện..., xuất hiện thuật ngữ an ninh phi truyền thống (*non-traditional security*).

Trên thế giới hiện nay có khá nhiều cách hiểu, quan niệm về an ninh phi truyền thống. Ở cấp độ hợp tác, tổ chức khu vực, an ninh phi truyền thống cũng được đưa ra thảo luận và có quan niệm cụ thể, rõ ràng, tiêu biểu

như trong *Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống* thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ sáu giữa các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc tại Phnôm Pênh (Campuchia) ngày 01-11-2002. An ninh phi truyền thống được hiểu là *những vấn đề về các loại tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm khủng bố và ma túy đe dọa an ninh khu vực và thế giới, đồng thời tạo ra những thách thức mới đối với hòa bình, ổn định trong và ngoài khu vực.*

Cũng trong tuyên bố trên, các nhà lãnh đạo ASEAN và Trung Quốc bày tỏ “sự quan ngại về những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng như buôn lậu, ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, cướp biển, khủng bố, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế và tội phạm công nghệ cao”. Đồng thời, Hội nghị xác định nội dung hợp tác về các vấn đề “an ninh phi truyền thống” bao gồm các cơ chế và khả năng hợp tác cụ thể về: phòng chống tội phạm ma túy; phòng chống tội phạm buôn bán người; chống cướp biển; chống tội phạm khủng bố; chống buôn lậu vũ khí; chống tội phạm rửa

tiền; chống tội phạm kinh tế quốc tế; chống tội phạm công nghệ cao, v.v...

Ở nước ta, thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, trong những năm qua, bên cạnh những thành tựu to lớn thì vấn đề an ninh phi truyền thống đang nổi lên như là những hiện tượng bức bách của đời sống xã hội. Các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam đang có những biến đổi theo chiều hướng bất lợi đối với cuộc sống con người, đồng thời cũng là sự thách thức đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Một khi an ninh đất nước nói chung, an ninh phi truyền thống nói riêng không được bảo đảm thì sẽ không có sự bảo đảm cho sự phát triển bền vững của quốc gia và chất lượng cuộc sống của con người.

Biểu hiện của an ninh phi truyền thống là tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố; mất an ninh kinh tế, tham nhũng; mất an ninh tài chính; mất an ninh doanh nghiệp; các rủi ro thị trường và mất an ninh thương mại; cạn kiệt tài nguyên, thiên tai thường xuyên, thiên nhiên suy thoái, ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường

nước, ô nhiễm môi trường không khí, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô zôn, biến đổi các chu trình sinh - địa, suy giảm đa dạng sinh học; dịch bệnh; mất an toàn vệ sinh thực phẩm nghiêm trọng; bão lụt, nước biển dâng, triều cường; sạt núi, phá núi, phá rừng; mất an ninh giao thông; mất an ninh đô thị và an ninh nông thôn; mất an ninh thông tin và các hành vi tấn công mạng, tội phạm mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng; mất an ninh lương thực; mất an ninh năng lượng; mất an ninh hàng không; mất an ninh du lịch; mất an ninh biển;...

Nếu không đảm bảo được an ninh phi truyền thống thì những thảm họa, khủng hoảng sẽ xuất hiện sẽ gây suy yếu nền kinh tế, gia tăng đói nghèo, gia tăng bất ổn chính trị, trở thành ngòi nổ cho những bất ổn xã hội, gây ra các vụ bãi công, biểu tình, gây rối trật tự công cộng, làm mất lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Đây chính là những nguy cơ, thách thức và mối đe dọa an ninh phi truyền thống đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong những năm gần đây ở Việt Nam đã xảy ra nhiều vụ việc lớn gây

mất an ninh quốc gia do các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống gây ra. Nhận thức được tầm quan trọng của an ninh nói chung, an ninh phi truyền thống nói riêng, Đảng và Nhà nước đã luôn coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, quan trọng của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đã xác định “*chủ động ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống*”. Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục chỉ rõ: “*chủ động phòng ngừa, ứng phó với mối đe dọa an ninh phi truyền thống và phi truyền thống*”.

Nghị quyết Đại hội Đảng XII đã đặt an ninh phi truyền thống bên cạnh an ninh truyền thống, chỉ ra một số vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố. Đồng thời đã lưu ý đến “các hình thái chiến tranh kiểu mới” với hàm ý khả năng chuyển hóa giữa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.

Dự thảo Văn kiện Đại hội XIII cũng

đề ra nhiều nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống, phục vụ phát triển bền vững đất nước.

An ninh phi truyền thống có các *đặc điểm chủ yếu* sau:

- Các vấn đề an ninh phi truyền thống diễn ra ảnh hưởng trên phạm vi khu vực hoặc toàn cầu, *mang tính xuyên quốc gia*. Nó có thể phát sinh từ một quốc gia này nhưng có khả năng lan tỏa với tốc độ nhanh, phạm vi rộng đến quốc gia khác (biến đổi khí hậu, tội phạm mạng, dịch bệnh lây lan nhanh,...).

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thường do các *tác nhân tự nhiên* hoặc do các *tổ chức ngoài nhà nước, nhóm người hoặc cá nhân* tiến hành; còn an ninh truyền thống là xung đột giữa quân đội các nhà nước.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống uy hiếp trực tiếp đến cá nhân con người hoặc cộng đồng, rồi quốc gia - dân tộc; còn an ninh truyền thống uy hiếp trực tiếp đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia - dân tộc, uy hiếp an ninh quốc gia.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có cả những vấn đề *mang tính*

phi bạo lực (kinh tế, văn hóa, môi trường, an ninh mạng, dịch bệnh...) và những vấn đề *mang tính bạo lực*, nhưng đó là bạo lực phi quân đội (khủng bố, tội phạm có tổ chức...)

- Giải quyết an ninh phi truyền thống nhấn mạnh đến *hợp tác ứng phó, sử dụng biện pháp ngoại giao*, kể cả ngoại giao giữa quân đội, công an các nước. Còn an ninh truyền thống thường lấy biện pháp vũ trang - quân sự là chính, còn ngoại giao là hỗ trợ.

- Về mặt thời gian, *mặc dù an ninh phi truyền thống xuất hiện từ rất sớm nhưng về mặt khoa học vấn đề an ninh phi truyền thống được quan tâm, chú trọng “muộn hơn” an ninh truyền thống*. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, nhiều mối đe dọa an ninh phi truyền thống đã xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử (dịch bệnh, khan hiếm lương thực, khủng bố, ô nhiễm môi trường, thảm họa cháy nổ,...) nhưng do diễn ra ở phạm vi nhỏ hẹp, quy mô chưa lớn, truyền thông chưa phát triển hoặc vấn đề quyền con người chưa được quan tâm, nên ít hoặc không được quan tâm. Còn ngày nay, do tác động của toàn cầu hóa, mặt trái của sử dụng thành tựu cách mạng khoa học - công

nghe, sự mở rộng các phương tiện truyền thông đa phương tiện,... các vấn đề an ninh phi truyền thống có điều kiện lan tỏa nhanh, rộng, ảnh hưởng lớn, trở thành mối quan tâm toàn nhân loại và các khu vực, các quốc gia.

- Các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống hủy hoại an ninh quốc gia dần dần và lâu dài, vì nó tác động đến các yếu tố mang tính hạt nhân hoặc bệ đỡ cho ổn định và phát triển (cá nhân con người, cộng đồng xã hội, hệ thống thể chế, hạ tầng kỹ thuật chiến lược và môi trường sống).

An ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống là hai mặt của khái niệm an ninh toàn diện. Vì vậy, an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống cùng tác động đến xây dựng chiến lược an ninh quốc gia,... bảo đảm ổn định và phát triển của quốc gia. *An ninh quốc gia theo tư duy mới là tổng hòa của an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.*

An ninh truyền thống có cốt lõi là an ninh chính trị, an ninh quân sự, lấy nhà nước làm trung tâm của an ninh. Còn an ninh phi truyền thống có cốt lõi là an ninh xã hội, an ninh con

người, lấy xã hội, doanh nghiệp, con người làm trung tâm của an ninh.

An ninh phi truyền thống là việc bảo đảm an toàn, không có hiểm nguy cho cá nhân con người, quốc gia, dân tộc và toàn nhân loại trước các mối đe dọa có nguồn gốc phi quân sự như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, khan hiếm nguồn lực, dịch bệnh lây lan nhanh, khủng hoảng tài chính, an ninh mạng, tội phạm nguy hiểm xuyên biên giới, chủ nghĩa khủng bố... Các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống thường lan tỏa nhanh, ảnh hưởng rộng mang tính khu vực hoặc toàn cầu, do tác động bởi mặt trái của kinh tế thị trường, của toàn cầu hóa, của sử dụng thành tựu khoa học - công nghệ.

An ninh phi truyền thống bao gồm 2 nhóm:

- Nhóm an ninh phi truyền thống có yếu tố bạo lực cao, gồm tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, các mối đe dọa dẫn tới tình trạng khẩn cấp.

- Nhóm an ninh phi truyền thống có yếu tố bạo lực thấp, gồm an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh môi trường, an ninh y tế, an ninh du lịch, an ninh giao thôn, v.v..

Mục tiêu của an ninh truyền thống là ổn định và phát triển bền vững của Nhà nước, chế độ, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Còn mục tiêu của an ninh phi truyền thống là ổn định và phát triển bền vững xã hội (cộng đồng), doanh nghiệp, con người,

Nếu như *chủ thể* đảm bảo an ninh truyền thống chủ yếu là Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thì chủ thể bảo đảm an ninh phi truyền thống là các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Về *công cụ đảm bảo an ninh*: công cụ đảm bảo an ninh phi truyền thống chủ yếu dựa vào sức mạnh Quân đội, Công an, lực lượng bán vũ trang và nhân dân. Còn công cụ đảm bảo an ninh phi truyền thống chủ yếu dựa vào nguồn lực Nhà nước, doanh nghiệp, con người, quốc tế.

2. Quản trị an ninh phi truyền thống

Quản trị an ninh phi truyền thống là hoạt động tổ chức và điều hành của nhà nước (doanh nghiệp) nhằm phòng ngừa, kiểm soát các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống, bảo đảm an toàn, phát triển ổn định, bền vững của quốc gia, xã hội (doanh nghiệp), con người.

Trong hoạt động quản trị phòng ngừa, ứng phó các vấn đề an ninh phi truyền thống có hai khái niệm: mối đe dọa ở hai mức độ *hiểm họa và thảm họa*.

Mối đe dọa (Threat) là tạo nên một tai họa nào đó. Mối đe dọa có thể do con người, tổ chức, quốc gia hoặc do quá trình tự nhiên gây ra.

Hiểm họa (Threat) là bất kỳ sự kiện, hiện tượng không bình thường nào có khả năng gây tổn thương cho đời sống con người, gây thiệt hại về tài sản và môi trường. Ví dụ: bão, lũ, lụt, động đất, cháy, nổ, ô nhiễm môi trường,... Hiểm họa có thể xảy ra đột ngột như lũ quét, sóng thần, sạt lở đất. Hiểm họa cũng có thể xảy ra từ từ như hạn hán, sa mạc hóa, v.v...

Thảm họa (Disaster): hiểm họa (hay mối đe dọa) sẽ trở thành thảm họa khi chúng xảy ra ở những nơi có nhiều người sinh sống, hoạt động, gây ra thiệt hại về tính mạng, tài sản và cuộc sống của con người, xâm phạm an ninh quốc gia đất nước, ảnh hưởng xấu tới khu vực và thế giới. Ví dụ: trong bão, lũ lụt, nhiều người bị chết đuối hoặc bị thương, đổ nhà cửa, tài sản và gia súc bị cuốn trôi hoặc xảy

ra ô nhiễm môi trường tương tự vụ Formosa trước đây, dịch COVID-19 hiện nay.

Quản lý mối đe dọa (Threat Management): Là quá trình phòng ngừa, phát hiện, xử lý và triệt tiêu các mối đe dọa xâm hại đến cơ quan, tổ chức, địa phương, quốc gia, khu vực.

Quản trị phòng ngừa, ứng phó các mối đe dọa (hiểm họa), thảm họa an ninh phi truyền thống bao gồm một loạt các hoạt động can thiệp có thể được tiến hành trước, trong, sau một thảm họa an ninh phi truyền thống nhằm giảm đến mức tối thiểu những mất mát về người và tài sản, đồng thời thúc đẩy nhanh chóng quá trình khắc phục.

Thế giới tổ chức quản trị 01 thảm họa an ninh phi truyền thống qua 5 bước: Prevention (Phòng ngừa), Mitigation (Giảm nhẹ), Preparedness (Sẵn sàng: chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất), Response (Đổi phó), Recovery (Phục hồi).

- *Phòng ngừa:* Gồm các biện pháp cần tiến hành khi có dự báo thảm họa an ninh phi truyền thống sẽ xảy ra để kịp thời ứng phó một cách phù hợp và hiệu quả. Các hoạt động phòng ngừa

có thể làm giảm đến mức thấp nhất tác động của thảm họa an ninh phi truyền thống như xây dựng năng lực của các cơ quan chuyên môn như Quân đội, Công an, Y tế, các ngành, các tổ chức trong cộng đồng nhằm thực hiện tốt các hoạt động cảnh báo, chữa cháy, tìm kiếm và cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và cứu trợ, xây dựng và thực hiện các kế hoạch phòng ngừa thảm họa an ninh phi truyền thống, dự trữ thiết bị, hàng hóa để huy động kịp thời, chuẩn bị hệ thống thông tin liên lạc trong tình huống khẩn cấp, tuyên truyền nâng cao trình độ cán bộ các cơ quan chuyên môn và nhận thức cộng đồng...

- *Giảm nhẹ:* Gồm tất cả các biện pháp có thể thực hiện nhằm giảm đến mức thấp nhất những tác động của hiểm họa an ninh phi truyền thống nhờ đó giảm nhẹ mức độ nghiêm trọng của thảm họa. Các biện pháp giảm nhẹ có thể là các biện pháp vật chất/ công trình (*xây dựng đê điều, nhà ở an toàn...*); hoặc các biện pháp mang tính pháp lý (*nghiêm cấm người dân xây dựng nhà ở, sản xuất, kinh doanh tại khu vực dự báo sẽ xảy ra thảm họa...*); hay các biện pháp phi công trình (*tập huấn, nâng cao nhận*

thức cộng đồng, vận động về các vấn đề phát triển...).

- *Cứu trợ:* Bao gồm các hoạt động thực hiện *trong và sau* khi thảm họa an ninh phi truyền thống xảy ra nhằm trợ giúp những người bị ảnh hưởng như: tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, chăm sóc sức khoẻ, sửa chữa phương tiện cần thiết, hỗ trợ về tâm lý...

- *Phục hồi:* Các hoạt động nhằm khôi phục những dịch vụ cơ bản giúp những người bị ảnh hưởng do thảm họa an ninh phi truyền thống phục hồi nhanh chóng, gồm: hỗ trợ sửa chữa nhà ở, thiết lập các dịch vụ thiết yếu, phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội chủ chốt...

- *Tái thiết và phát triển:* Là các biện pháp tiến hành nhằm sửa chữa hoặc thay thế cơ sở hạ tầng đã bị thiệt hại để phục hồi các hoạt động kinh tế - xã hội. Các hoạt động này gồm tái thiết cơ sở hạ tầng và khôi phục tất cả các dịch vụ.

Ở Việt Nam, tư tưởng chỉ đạo của Trung ương trong phòng chống thảm họa an ninh phi truyền thống được xác định như chống giặc với các phương châm “3 sẵn sàng”: chủ động

phòng tránh, đối phó kịp thời và khắc phục khẩn trương và có hiệu quả; phương châm “4 tại chỗ”: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

3. Các giải pháp và kiến nghị

Để phòng ngừa, đối phó, giải quyết với các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ và toàn diện:

Thứ nhất, cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng: “Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh”. Theo đó, phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện công bằng xã hội, xóa đói, giảm nghèo, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của nhân dân, tăng cường quốc phòng và an ninh trên địa bàn cả nước và từng địa phương... là những vấn đề cơ bản tạo nền tảng vững chắc cho việc đối phó với các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

Trong chỉ đạo giải quyết các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa

an ninh phi truyền thống cần đặc biệt coi trọng công tác phòng ngừa, khi có tình huống xảy ra thì tích cực, chủ động ứng cứu nhanh, có hiệu quả. Đồng thời thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, cơ sở vật chất tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

Thứ hai, nâng cao ý thức cho mọi tầng lớp nhân dân về bảo vệ Tổ quốc nói chung, phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống nói riêng theo yêu cầu của thời kỳ mới. Tổ chức nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống; tăng cường tuyên truyền, trao đổi thông tin về các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống. Xây dựng các kế hoạch, phương án quản trị, phòng ngừa, ứng

phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống từ cơ sở với sự tham gia của toàn thể hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân đóng vai trò nòng cốt.

Với phương châm 4 tại chỗ, đề nghị Chính phủ ưu tiên củng cố, tăng cường nhân lực và phương tiện hỗ trợ cho các cơ quan công an cấp huyện, cấp xã và các lực lượng khác như bộ chỉ huy quân sự huyện, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm ngư, Kiểm lâm ở địa phương, v.v.. để giải quyết ban đầu các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống xảy ra ở địa phương.

Với phương châm 4 tại chỗ, đề nghị Chính phủ ưu tiên củng cố, tăng cường nhân lực và phương tiện hỗ trợ cho các cơ quan công an cấp huyện, cấp xã và các lực lượng khác như bộ chỉ huy quân sự huyện, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm ngư, Kiểm lâm ở địa phương, v.v.. để giải quyết ban đầu các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống

xảy ra ở địa phương.

+ *Chỉ huy tại chỗ*: Bí thư Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực tiếp chỉ huy điều phối các lực lượng Công an, Quân đội, Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Kiểm lâm,

Phòng chống lụt bão), Giao thông vận tải, v.v. địa phương (và cả các lực lượng trung ương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn) tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ người và tài sản tại nơi xảy ra nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

+ *Lực lượng tại chỗ*: Có cán bộ Công an, Quân đội, Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Kiểm lâm, Phòng chống lụt bão), Giao thông vận tải, v.v. địa phương (và các lực lượng trung ương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn) luôn sẵn sàng để cứu nạn, cứu hộ người và tài sản, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

+ *Phương tiện tại chỗ*: Có đủ các phương tiện giao thông (tàu, thuyền chữa cháy, xuồng, ca nô, ô tô chữa cháy, xe máy), phương tiện thông tin liên lạc, công cụ hỗ trợ, công cụ cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, y tế, thuốc, v.v. phục vụ yêu cầu phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống ở địa phương.

+ *Hậu cần tại chỗ*: Dự trữ đủ xăng dầu cho xe cấp cứu, xe chữa cháy, tàu,

thuyền, thuyền chữa cháy, xuồng máy, ca nô, ô tô, xe máy, máy phát điện hoạt động khi không có điện; dự trữ lương thực, thực phẩm và các phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện y tế phục vụ phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

Trong trường hợp các địa phương vượt khả năng, cần có sự hỗ trợ, cần báo cáo đề xuất lãnh đạo tỉnh, thành phố xin ý kiến chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời. Trường hợp xảy ra thảm họa an ninh phi truyền thống đặc biệt nghiêm trọng cần báo cáo lãnh đạo tỉnh, thành phố xin ý kiến trung ương hỗ trợ.

Việc điều động lực lượng đến hỗ trợ các địa phương theo nguyên tắc gần trước, xa sau, địa phương lân cận trước.

Thứ ba, tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống xảy ra trên đất liền.

Lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân chủ động tham mưu cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để ra các giải pháp phòng

ngừa, ứng phó với các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống xảy ra trên đất liền.

Thứ tư, tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống xảy ra trên biển.

Lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân phối hợp với các ngành tham gia giải quyết các vấn đề: ô nhiễm môi trường biển do khai thác dầu khí; ô nhiễm môi trường biển do vận tải biển; ô nhiễm môi trường biển do các sự cố trên biển; ô nhiễm môi trường biển do rác thải các khu công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư; phòng chống các cơn bão - lụt, lũ cuốn, lũ quét, gió xoáy lớn; giải quyết các vấn đề nước biển dâng cao và xâm nhập mặn; xâm thực bờ biển; triều cường, v.v..

Thứ năm, xây dựng và đầu tư lực lượng chuyên trách phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Theo quy định của pháp luật nước ta hiện nay, Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về an ninh truyền thống và phi truyền thống. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ

chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý Nhà nước về an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.

Trước mắt tập trung đầu tư xây dựng, hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc Bộ Công an làm nòng cốt đảm nhiệm các công tác: phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, ứng phó, giải quyết các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

Về lâu dài cần xây dựng lực lượng chuyên trách phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống theo hướng *thành lập Bộ tình trạng khẩn cấp* như các nước hoặc trên cơ sở lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Bộ Công an hiện nay, thành lập lực lượng *Vệ binh quốc gia* đảm nhiệm cả các chức năng *phòng vệ dân sự (civil defense), tình trạng khẩn cấp, vệ binh quốc gia* như nhiều nước trên thế giới để đủ sức giải quyết, ứng phó các mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống □



MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Về nội dung:

Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020 bao gồm 34 đề tài, trong đó có 28 đề tài thực hiện từ tháng 11-2016 và hoàn thành theo kế hoạch 12/2019; có 5 đề tài được bổ sung theo yêu cầu nhiệm vụ cấp thiết đặt ra được Ban Bí thư đồng ý thực hiện từ năm 2017, 2018 và hoàn thành kế hoạch vào cuối năm 2020. Đến nay 34/34 đề tài đã được nghiệm thu, hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu.

Quán triệt tầm quan trọng, mục tiêu, yêu cầu của Chương trình khoa học trọng điểm cấp quốc gia nghiên cứu lý luận chính trị, Ban Chủ nhiệm Chương trình, chủ nhiệm các đề tài đã

tìm tòi phương pháp tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, cách thức tổ chức thực hiện hợp lý, đa dạng, phong phú. Ban Chủ nhiệm Chương trình, chủ nhiệm đề tài luôn chú trọng và đặt lên hàng đầu chất lượng nội dung nghiên cứu, tiến độ thực hiện, tập trung vào những vấn đề cốt lõi, chủ yếu và những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra. Các sản phẩm của Chương trình và các đề tài đã kịp thời tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, xây dựng các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị khóa XII. Nổi bật nhất là các sản phẩm của Chương trình đã được chất lọc, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Ban

Chỉ đạo Tổng kết 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) được đánh giá cao.

Các đề tài trong Chương trình đã xuất bản hơn 40 cuốn sách chuyên khảo, hơn 500 bài báo đăng ở các tạp chí khoa học trong nước và hơn 20 bài báo đăng ở các tạp chí nước ngoài; đào tạo và tham gia đào tạo hơn 50 tiến sĩ và hàng trăm thạc sĩ.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài trong Chương trình có những điểm mới nổi bật sau:

(1) *Làm rõ cục diện thế giới và khu vực*; tập trung phân tích các

nước lớn, sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, cạnh tranh quyền lực của các nước lớn; toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang phải đối mặt với sự trở dậy của chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân

túy; tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến Việt Nam. Đồng thời, dự báo về xu thế biến động của thế giới và khu vực đến 2030; những kiến nghị, định hướng chính sách của Việt Nam trong giai đoạn

2021-2025 và đến 2030.

Nổi bật nhất là các sản phẩm của Chương trình đã được chất lọc, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Ban Chỉ đạo Tổng kết 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) được đánh giá cao.

(2) *Tiếp tục nghiên cứu về kinh tế thị trường định hướng XHCN*, nhất là làm rõ hơn nội hàm của kinh tế thị trường định hướng XHCN và tiêu chí để đánh giá, nhất là nghiên cứu sâu hơn về thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; về mối quan hệ giữa kinh tế thị trường - nhà nước - xã hội. Đề xuất đổi mới tư duy nhận thức về cách tiếp cận về nước công nghiệp, hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng

hiện đại trong bối cảnh mới, theo mục tiêu phát triển đất nước; hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời đề xuất phương hướng giải pháp và điều kiện để đạt được hệ tiêu chí đó.

- Tiếp tục nghiên cứu về phát triển các thành phần kinh tế Việt Nam, với cách tiếp cận mới, trong đó đánh giá một cách khách quan, khoa học về sự phát triển của các thành phần kinh tế, trong đó tập trung nghiên cứu sâu hơn về kinh tế tư nhân và đề xuất coi kinh tế tư nhân là nền tảng, phát triển các tập đoàn kinh tế Việt Nam, trong đó chú trọng tập đoàn kinh tế tư nhân hùng mạnh. Kiến nghị thay khái niệm “*thành phần kinh tế*” bằng khái niệm “*khu vực kinh tế*”. Kiến nghị những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Có những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn về phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; đề xuất những định hướng thực hiện để đảm bảo các nguồn lực phát triển được phân bổ một cách hợp lý, cân bằng, hiệu quả.

- Nghiên cứu đề xuất đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học và đổi mới sáng tạo. Tập trung nghiên cứu sâu hơn, cụ thể hơn kinh nghiệm thành công của thế giới về phát triển nhanh và bền vững; từ đó rút ra những vấn đề đối với Việt Nam.

- Nghiên cứu và đã đề xuất bổ sung

lý luận mới về mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất ở nước ta trong điều kiện kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Nổi bật về lý luận là nêu rõ hình thái biểu hiện của quan hệ này thể hiện ra ở hệ thống thể chế kinh tế; về cấu trúc gồm cả quan hệ lưu thông (khác với quan niệm cũ). Đề xuất phải đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn.

(3) *Về văn hóa - xã hội - con người*

- Nghiên cứu những vấn đề bức xúc thực tiễn đang đặt ra như về quản lý phát triển xã hội ở nước ta; chỉ rõ khái niệm, nội hàm về quản lý phát triển xã hội; tổng kết thực tiễn gần 35 năm đổi mới về quản lý phát triển xã hội, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém, đề xuất giải pháp. Đề xuất cần chuyển đổi từ quản lý sang quản trị phát triển xã hội với 3 trụ cột: Nhà nước - thị trường - các tổ chức xã hội. Đề xuất khái niệm *mô hình an sinh xã hội* ở Việt Nam với 3 yếu tố; xây dựng mô hình an sinh xã hội đa tầng, đa dạng, linh hoạt, bền vững tới năm 2030 và hệ thống giải pháp để thực hiện theo mô hình đó.

- Tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng hệ giá trị văn

hóa và hệ trị chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trong đó chỉ rõ thực trạng, nhận diện xu thế vận động của hệ giá trị Việt Nam, hệ giá trị con người Việt Nam; chất lọc kinh nghiệm quốc tế để kiến nghị đề xuất hệ giá trị Việt Nam gồm: dân tộc, dân chủ, nhân văn, pháp quyền (hoặc thêm giá trị hòa hợp). Hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam gồm: yêu nước, sáng tạo, trách nhiệm, kỷ cương (hoặc thêm 2 giá trị trung thực, đoàn kết).

- Nghiên cứu văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Làm rõ nội hàm văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế; chỉ rõ sự tác động biện chứng giữa hai lĩnh vực này, vị trí, vai trò của việc xây dựng văn hóa trong chính trị, trong kinh tế ở nước ta. Chỉ rõ thực trạng văn hóa trong chính trị, trong kinh tế ở nước ta sau gần 35 năm đổi mới; từ đó chỉ ra những vấn đề đang đặt ra, đề xuất định hướng chính sách, giải pháp để thực hiện xây dựng văn hóa trong chính trị (nhất là trong Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc) và văn hóa trong kinh tế (mà tập trung là

văn hóa doanh nhân Việt Nam).

- Nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, có những đóng góp mới về lý luận, thực tiễn: Đề xuất, làm rõ nội hàm mối quan hệ này, đặc biệt là đề xuất bộ tiêu chí đánh giá mối quan hệ này. Vạch rõ những mặt được và những mặt bất cập trong việc giải quyết mối quan hệ này trong thực tiễn, về thể chế, chính sách, tổ chức thực hiện. Đề xuất những quan điểm cốt lõi, định hướng những chính sách mang tính đột phá để giải quyết mối quan hệ này tổng thời kỳ đổi mới.

(4) Nghiên cứu một số vấn đề về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Nghiên cứu một cách toàn diện hơn cả về cơ sở lý luận và khảo sát thực tiễn của 15 cuộc cách mạng màu trên thế giới để rút ra những gợi ý cho Việt Nam trong phòng chống “cách mạng màu”. Nghiên cứu lần này đã có những đóng góp mới về lý luận, như: Khái niệm “cách mạng màu”, nguồn gốc, bối cảnh phát sinh “cách mạng màu”; “cách mạng màu” với “diễn biến hòa bình” của Mỹ và các nước phương Tây; giải đáp được “cách mạng màu” đặt ra

thách thức gì và như thế nào đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ chính quyền nhân dân ở nước ta trong giai đoạn mới.

- Nghiên cứu phòng ngừa, xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội ở Việt Nam, có những đóng góp mới về lý luận, thực tiễn, đó là làm rõ khái niệm mâu thuẫn xã hội, xung đột xã hội; 6 đặc điểm của mâu thuẫn, xung đột xã hội có liên quan đến an ninh quốc gia, chỉ rõ thực trạng của mâu thuẫn xã hội, xung đột xã hội ở Việt Nam có liên quan đến an ninh quốc gia trong thời gian qua và hiện nay, đưa ra những dự báo, nguy cơ tác động xấu đến an ninh quốc gia. Từ đó kiến nghị những giải pháp quan trọng để xử lý mâu thuẫn và xung đột xã hội ở nước ta trong giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, 2045.

- Nghiên cứu về an ninh xã hội, an ninh con người trong điều kiện Việt Nam, đề tài đã đóng góp tư duy mới trong đó nổi bật là đưa an ninh xã hội, an ninh con người và trong 3 trụ cột trong an ninh quốc gia: An ninh chính trị, an ninh xã hội, an ninh con người và kiến nghị với Đảng, Nhà nước xác định rõ trong Văn kiện: Củng cố quốc

phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước.

- Làm rõ vị trí vai trò của an ninh thông tin trong an ninh quốc gia. Đánh giá thực trạng thông tin và an ninh thông tin ở nước ta, chỉ rõ những kết quả tích cực, đồng thời cũng chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm và những tiềm ẩn, nhiều yếu tố đe dọa an ninh thông tin ở nước ta, nhất là trong sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Từ đó kiến nghị những giải pháp quan trọng để bảo đảm an ninh thông tin trong tình hình mới.

- Nghiên cứu về đối ngoại đa phương của Việt Nam: Lần đầu tiên đưa ra khái niệm đối ngoại đa phương; đánh giá toàn diện quá trình triển khai đối ngoại đa phương từ năm 1986 đến nay, đặc biệt là 10 năm gần đây; xác định những vấn đề đặt ra đối với đối ngoại đa phương của Việt Nam và đề xuất kiến nghị định hướng giải pháp về đối ngoại đa phương của Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, cập nhật những vấn đề mới về mối quan



Hội nghị Tổng kết "Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020" (mã số KX.04/16-20) do Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức, ngày 18/12/2020 _ Ảnh: hdll.vn

hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đối với nước ta hiện nay.

Đề xuất những vấn đề có tính nguyên tắc về xử lý mối quan hệ này và kiến nghị những giải pháp quan trọng để tiếp tục giải quyết mối quan hệ này trong giai đoạn mới.

(5) Các vấn đề về Đảng và hệ thống chính trị, thực hành dân chủ và xây dựng Đảng cầm quyền, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Những vấn đề do thực tiễn đặt ra đã

đóng góp nhiều luận cứ mới, góp phần quan trọng Tổng kết 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011; góp phần soạn thảo Báo cáo chính trị, báo cáo xây dựng Đảng... trình Đại hội XIII của Đảng, cụ thể là:

- Những kiến nghị khẳng định giá trị của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của

Đảng là đúng đắn sáng tạo; kiến nghị bổ sung mối quan hệ lớn cần giải quyết. Đồng thời cũng chỉ ra những vấn đề mới cần nghiên cứu và tổ chức thực hiện Cương lĩnh trong giai đoạn mới.

- Nghiên cứu sâu hơn, có những đóng góp mới, đầy đủ về Đảng cầm quyền, nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng. Nêu rõ các quan điểm về đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng, đồng thời kiến nghị các giải pháp mới về đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới.

Một trong những vấn đề hết sức quan trọng, bức thiết là phải ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đã được nghiên cứu sâu, toàn diện, cung cấp luận cứ cho nhiệm vụ này và kiến nghị hệ thống giải pháp mới...

- Vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một Đảng lãnh đạo, cầm quyền cũng được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, cụ thể hơn, nhất là vấn đề dân chủ trong Đảng.

- Nghiên cứu vấn đề kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị Việt

Nam, làm rõ hơn cơ sở lý luận, thực tiễn về kiểm soát quyền lực, có những nhận thức mới về kiểm soát quyền lực trong Đảng, nhận thức rõ hơn vai trò phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; làm rõ hơn nguyên tắc phân cấp, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước trong Hiến pháp 2013. Làm rõ những đặc trưng về kiểm soát quyền lực ở Việt Nam. Đồng thời nêu rõ những vấn đề đặt ra về kiểm soát quyền lực trong Đảng, trong Nhà nước.

- Nghiên cứu về thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nghiên cứu đã làm rõ lý luận về pháp quyền; về thực hiện nguyên tắc pháp quyền; khái niệm, nội dung, hình thức thực hiện nguyên tắc pháp quyền; mối quan hệ của nguyên tắc pháp quyền với các nguyên tắc khác trong tổ chức bộ máy, nhất là nguyên tắc Đảng lãnh đạo và nguyên tắc pháp quyền Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam...

- Một vấn đề cấp thiết được Ban Bí thư giao cần nghiên cứu là xây dựng cơ sở lý luận - thực tiễn về *xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính*

trị Việt Nam. Đánh giá mô hình tổng thể hệ thống chính trị ở nước ta; kiến nghị một số vấn đề về mô hình tổng thể hệ thống chính trị của Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025 và 2030.

2. Về công tác quản lý, tổ chức thực hiện

Kế thừa những kinh nghiệm tổ chức thực hiện chương trình của các giai đoạn 2006-2010, 2011-2015, Chương trình giai đoạn 2016-2020 đã có phương pháp, cách thức quản lý và tổ chức thực hiện phù hợp. Chương trình được triển khai ngay sau Đại hội XII của Đảng và thực sự đi vào nghiên cứu từ tháng 11-2016 (so với nhiệm kỳ 2011-2015, đã rút ngắn được hơn 1 năm), tạo điều kiện tăng thêm thời gian nghiên cứu của các đề tài, phục vụ có hiệu quả cho nhiệm vụ chính trị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là góp phần chuẩn bị dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Bám sát chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã xây dựng kế hoạch hoạt động và được cụ thể hóa hằng năm, hằng quý kịp thời chỉ đạo

các đề tài những nội dung trọng tâm, trọng điểm cần nghiên cứu phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, phục vụ Trung ương ra các nghị quyết. Ban Chủ nhiệm Chương trình thường xuyên có sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương nghiên cứu trực tiếp phục vụ 17 chuyên đề và một số báo cáo tư vấn về lý luận, thực tiễn quan trọng, cấp thiết trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chương trình đã tập hợp, huy động được đội ngũ chuyên gia đông đảo cả nước ở các học viện, viện nghiên cứu lớn, các đại học quốc gia, trường đại học lớn tham gia nghiên cứu và có sự ủng hộ tích cực, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn từ nhiều tỉnh, thành phố, ban, bộ, ngành Trung ương. Đây là yếu tố rất quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu.

Chương trình được tổ chức chặt chẽ, công khai minh bạch, được sự đồng tình cao của các cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài. Ban Chủ nhiệm Chương trình hoạt động có kế hoạch và tổ chức thực hiện theo kế hoạch, đồng thời có sự điều chỉnh thích hợp. Văn phòng Chương trình sâu sát, nắm tình hình hoạt động, nghiên cứu của các đề tài,

kip thời đề xuất để chủ nhiệm chương trình chỉ đạo các đề tài. Các chủ nhiệm đề tài được tạo điều kiện tự chủ cao trong tổ chức thực hiện đề tài và luôn có sự gắn bó, liên hệ chặt chẽ với Ban Chủ nhiệm Chương trình.

Trong quá trình thực hiện Chương trình, dưới sự chỉ đạo thường xuyên của Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã nỗ lực, sâu sát, tổ chức triển khai Chương trình đúng kế hoạch. Quy trình, thủ tục hành chính được rút ngắn đưa Chương trình vào hoạt động nghiên cứu sớm hơn 1 năm (so với Chương trình giai đoạn 2011-2015). Ban Chủ nhiệm Chương trình thực hiện nghiêm theo quy chế, quy định, tạo điều kiện để các đề tài, nhất là chủ nhiệm đề tài chủ động, tự chủ cao trong thực hiện kế hoạch nghiên cứu và các nhiệm vụ khác của đề tài; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nghiên cứu các đề tài. Trong quá trình thực hiện Chương trình, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã có sự phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Tài chính, nhất là các đơn vị chức năng và lãnh đạo Bộ Khoa

học và Công nghệ để giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc, những vấn đề mới phát sinh, tạo điều kiện để Chương trình hoàn thành có hiệu quả, đúng kế hoạch.

- Kết quả nghiên cứu các đề tài trong Chương trình có nhiều điểm mới và có những đóng góp, nổi bật là:

(1) Kết quả nghiên cứu các đề tài đã kịp thời cung cấp căn cứ lý luận, thực tiễn, góp phần tích cực, có hiệu quả để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ban hành các nghị quyết chuyên đề.

(2) Đóng góp vào xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, đã được Trung ương thông qua, Tiểu ban Văn kiện đã phát hành sách; góp phần xây dựng Báo cáo tổng kết 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó có nhiều phát hiện mới.

(3) Đóng góp có hiệu quả và trực tiếp vào xây dựng các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

3. Về định hướng nghiên cứu giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Thường trực Ban Bí thư Trần

Quốc Vương về việc chuẩn bị Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức nghiên cứu khảo sát, tọa đàm với một số bộ, ban, ngành Trung ương, một số địa phương, học viện, viện nghiên cứu và Đại học quốc gia Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng; tham khảo ý kiến của một số chuyên gia nghiên cứu lý luận, một số đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Trên cơ sở định hướng chung và tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý, các cơ quan ban, bộ, ngành, địa phương, các cơ sở nghiên cứu khoa học, Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương đã xây dựng Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025 (mã số KX 04/21-25) nhằm mục tiêu: Góp phần cụ thể hóa và triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030; xây dựng cơ sở lý luận - thực tiễn nhằm góp phần phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ

Chính trị, Ban Bí thư; tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận mới qua 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, 35 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong giai đoạn tới, nhất là phục vụ xây dựng các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, chuẩn bị tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, đề xuất lý luận về đường lối đổi mới của Đảng trong bổ sung, hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng.

Với mục tiêu trên, Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị sẽ tập trung vào 5 nhóm vấn đề:

(1) *Những vấn đề lý luận chung*: Tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhất là giải quyết các mối quan hệ lớn trong quá trình đổi mới, phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; về những thành tựu phát triển lý luận chính trị hiện đại của thế giới; về chủ nghĩa tư bản hiện đại, v.v...

(2) *Những vấn đề về chính trị*: Tiếp tục nghiên cứu những vấn đề về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; cơ chế vận hành bộ máy Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; về vấn đề dân chủ và kiểm soát quyền lực... phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến” trong Đảng, trong xã hội.

(3) *Những vấn đề về kinh tế*: Tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển các khu vực kinh tế; vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; về phát triển nông nghiệp, dịch vụ; về phát triển nhanh và bền vững thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

(4) *Những vấn đề về văn hóa, xã hội và con người*: Nghiên cứu tổng kết thực tiễn những vấn đề về văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học -

công nghệ và môi trường, tập trung vào những vấn đề bức xúc đang đặt ra như: Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Mô hình, phương thức quản lý phát triển xã hội; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, quan hệ giai tầng, phân tầng xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh con người, đạo đức, kỷ cương xã hội...

(5) *Những vấn đề về quốc phòng, an ninh, đối ngoại*: Nghiên cứu làm rõ những vấn đề trọng yếu về bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và an ninh, trật tự, an toàn xã hội; mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu những biến động lớn về chính trị, kinh tế, an ninh của thế giới và khu vực; cục diện quan hệ của các nước lớn, các nước láng giềng, tương quan lực lượng trên thế giới, các định chế khu vực và toàn cầu mới, đặc biệt là những vấn đề an ninh phi truyền thống tác động đến nước ta; vai trò tiên phong và đổi mới hoạt động công tác đối ngoại, v.v.. □

KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2020 CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Năm 2020 mặc dù chịu tác động phức tạp của đại dịch Covid-19, Cơ quan Hội đồng phải nghỉ giãn cách xã hội khá dài. Song, Hội đồng vẫn bám sát Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Kế hoạch công tác của các tiểu ban Đại hội XIII; căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm của năm 2020, đã triển khai và hoàn thành một khối lượng lớn công việc, đạt được kết quả quan trọng, khá toàn diện.

1. Chủ động, tích cực đóng góp có hiệu quả vào việc soạn thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng

(1) Thường trực Hội đồng đã chủ động chỉ đạo các tiểu ban xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức 01 cuộc hội thảo và 13 cuộc tọa đàm chuyên gia¹ để tiếp tục làm rõ và bổ sung những căn cứ lý luận, thực tiễn góp phần phục vụ hoàn thiện Dự thảo văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Kết quả các cuộc tọa đàm đã được tổng

hợp, chắt lọc thành các báo cáo Bộ Chính trị, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII², được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đánh giá cao.

(2) Thường trực Hội đồng - Thường trực Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội XIII dự buổi làm việc với đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước về các vấn đề liên quan đến soạn thảo các văn kiện Đại hội XIII của Đảng³. Dự hội nghị góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng của một số cơ quan, đơn vị, như Ban Dân vận Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội; Hội đồng Khoa học các cơ quan đảng Trung ương, v.v...

(3) Góp phần vào việc tiếp tục hoàn thành Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011). Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật in ấn, phát hành phục vụ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng.

(4) Phối hợp với Thường trực Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội XIII xây dựng dự thảo đề cương tài liệu: *Những điểm mới nổi bật trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng* trình và xin ý kiến đồng chí Thường trực Ban Bí thư về chủ trương biên soạn và phát hành tài liệu nói trên phục vụ việc học tập, quán triệt và thực hiện các văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Điểm nổi bật trong việc thực hiện các nhiệm vụ trên là Hội đồng trước hết là Thường trực Hội đồng đã phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động rất cao, thực sự đóng vai trò nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với Tổ Biên tập Tiểu ban Văn kiện và các tiểu ban khác trong xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

2. Bảo đảm tiến độ và chất lượng nghiên cứu của Chương trình KX.04/16-20 và chuẩn bị Chương trình KX.04/21-25

Thường xuyên đôn đốc các đề tài trong Chương trình KX.04/16-20 bảo đảm tiến độ và chất lượng nghiên cứu. Đến nay, 34/34 đề tài trong Chương trình đã thực hiện bảo vệ cấp quốc gia, về cơ bản đã bảo đảm tiến độ hợp đồng đã ký kết. Đóng góp nổi bật nhất

là kết quả của các đề tài trong Chương trình đã được chất lọc, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Ban Chỉ đạo tổng kết 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), được đánh giá cao. Các sản phẩm của Chương trình, đề tài đã góp phần xây dựng 03 báo cáo tư vấn quan trọng trình Bộ Chính trị; các báo cáo luận cứ khoa học, thực tiễn phục vụ Trung ương, Bộ Chính trị ra các nghị quyết Trung ương và Bộ Chính trị về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Đồng thời đã chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch, nội dung làm việc với 19 ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương, học viện, viện nghiên cứu, Đại học Quốc gia... để chuẩn bị nội dung Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025. Đã gửi xin ý kiến các thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương; trình Bộ Chính trị cho ý kiến.

3. Hoàn thiện Báo cáo tổng kết 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật và Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức in ấn, phát hành cuốn sách “30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”.

4. Duy trì các hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế

Chủ động, tích cực thực hiện chuẩn bị nội dung Đề án Hội thảo lý luận lần thứ 16 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc về chủ đề: “Thực tiễn và kinh nghiệm của hai nước Việt Nam và Trung Quốc về xóa đói giảm nghèo” và Hội thảo lý luận lần thứ 8 với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào về chủ đề “Phát triển xã hội bền vững: vấn đề lý luận - thực tiễn ở Lào và Việt Nam”; đã thu được các bài tham luận của hai hội thảo, song do dịch Covid-19 nên không tổ chức được.

Đồng thời Hội đồng vẫn duy trì các cuộc trao đổi lý luận với một số đảng trên thế giới⁴.

5. Tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán các

quan điểm sai trái, thù địch

Sớm kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự của Ban Chỉ đạo 35 Hội đồng Lý luận Trung ương hoạt động có chuyển biến tích cực và dần đi vào nền nếp.

Tổ chức xây dựng 34 chuyên đề về luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII, trong đó đã nghiệm thu 18 chuyên đề (phần 1): “Một số luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII”; phối hợp với Hội đồng khoa học các cơ quan Đảng Trung ương và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức in ấn, phát hành cuốn sách “Một số luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng” (tập 1).

Tổ chức 05 cuộc tọa đàm về phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII⁵.

Tổ chức nghiên cứu, xây dựng 11 chuyên đề và cử cán bộ tham gia Ban Biên tập cuốn sách “Giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới” theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương⁶. Trực tiếp viết các bài phê

phán các quan điểm sai trái, thù địch và đấu tranh với cá nhân có quan điểm sai trái với chủ trương, đường lối của Đảng đảng tải trên các báo, tạp chí, mạng xã hội.

6. Phối hợp tích cực, có hiệu quả với các cơ quan liên quan, địa phương tổ chức nhiều cuộc hội thảo⁷.

7. Tổ chức xuất bản một số cuốn sách có giá trị; nâng cao chất lượng Website và Bản tin của Hội đồng.

Nguyên nhân của kết quả trên là do Hội đồng luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, định hướng kịp thời của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng và đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trần Quốc Vượng; sự giúp đỡ

hiệu quả của Văn phòng Trung ương Đảng và các ban Đảng, các bộ, ngành, địa phương; Thường trực Hội đồng đã chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc điều chỉnh kế hoạch, đổi mới phương pháp, hình thức hoạt động của Hội đồng cho phù hợp với “trạng thái bình thường mới” sau giai đoạn nghỉ giãn cách xã hội do đại dịch Covid - 19; Lãnh đạo Hội đồng đã làm tốt công tác tư tưởng đối với cán bộ, công nhân viên chức; chủ động, tích cực trong việc phòng, chống dịch Covid-19 tại Cơ quan Hội đồng; Sự phối hợp có hiệu quả của các cơ quan hữu quan; sự nỗ lực của các tiểu ban, các thành viên Hội đồng, cộng tác viên tư vấn; cán bộ, công chức, viên chức Cơ quan Hội đồng □

1 - Tiểu ban Chính trị: *Chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá chiến lược; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.*

- Tiểu ban Kinh tế: *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện cách mạng 4.0; Các thành phần kinh tế và xu hướng phát triển các thành phần kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong điều kiện mới.*

- Tiểu ban Văn hóa - Xã hội - Con người: *Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: ý*

nghĩa, thực trạng, vấn đề và giải pháp; Định hướng chủ yếu cho chiến lược phát triển khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong giai đoạn mới; Vấn đề kiểm soát và xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội: thực trạng, vấn đề và giải pháp; Biến đổi khí hậu, nước biển dâng: nguy cơ, nhận thức, vấn đề và định hướng giải pháp.

- Tiểu ban Quốc phòng - An ninh - Đối ngoại: *Dự báo tình hình quốc tế; Vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới; Định hướng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.*

² Báo cáo số 25-BC/HĐLLTW, ngày 22/7/2020.

³ Làm việc với các đồng chí: Đồng chí Nông Đức Mạnh, nguyên Tổng Bí thư; đồng chí Nguyễn Minh Triết, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước; đồng chí Trương Tấn Sang, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước; đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Phạm Quang Nghị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội.

⁴ Trao đổi với Tham tán công sứ Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Việt Nam về chuẩn bị cho Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam; tham gia ý kiến vào Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ XI; tham dự hội nghị trực tuyến “Hội nghị chuyên đề giới thiệu về Hội nghị Trung ương 5 khóa 19 Đảng Cộng sản Trung Quốc” do Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Ban Liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức; tiếp Đại sứ Ấn Độ tại Việt Nam và nghe giới thiệu chuyên đề “Chính sách đối ngoại của Ấn Độ”.

⁵ (1) Tọa đàm và cho ý kiến về “Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch mới đang chống phá ta hiện nay”; (2) Tọa đàm và cho ý kiến về “Đề cương Nhiệm vụ và những vấn đề xây dựng luận cứ phê phán”; (3) Tọa đàm và cho ý kiến về các nội dung: “Một số luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII”, (phần 1 gồm 18 chuyên đề); (4) Tọa đàm và cho ý kiến về các nội dung: “Một số luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII”, (phần 2 gồm 16 chuyên đề); (5) Phối hợp với Bộ Công an và Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức Hội thảo

quốc gia "Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới" (Hội đồng có 01 bài đề dẫn và 05 bài tham luận).⁶ 11 chuyên đề thực hiện theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo 35 Trung ương: (1) Đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại; (2) Bản chất, đặc điểm, xu hướng vận động của CNTB hiện đại; (3) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; (4) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (5) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; (6) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; (7) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; (8) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; (9) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (10) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; (11) Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

⁷ - Phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức Hội thảo quốc gia "Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam".

- Phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức ba hội thảo: "Kỷ niệm 150 năm Ngày sinh Lênin", "Kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh"; "Kỷ niệm 200 năm ngày sinh Ph.Ăngghen".

- Phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nghiên cứu, khảo sát, kết hợp với hội thảo cho ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, tại tỉnh Hà Giang.

- Phối hợp với Tỉnh ủy Tây Ninh tổ chức Hội thảo khoa học "Định hướng chiến lược phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài trong giai đoạn mới".

- Phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức Hội thảo "Kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật".

- Phối hợp với UNDP tổ chức Hội thảo khoa học "Nâng cao năng lực nghiên cứu dự báo phát triển ở Việt Nam".

KỶ HỌP THỨ 15 HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



Kỳ họp thứ 15 Hội đồng Lý luận Trung ương _ Ảnh: VOV

Ngày 25/12/2020, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức Kỳ họp thứ 15. GS.TS Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì Kỳ họp.

Kỳ họp thứ 15 Hội đồng Lý luận Trung ương tập trung vào nội dung

tổng kết công tác năm 2020 và xác định phương hướng, nhiệm vụ năm 2021. Đồng chí Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương trình bày Báo cáo tổng kết công tác năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

Năm 2020 là năm nước rút cho việc hoàn thành cơ bản kế hoạch công tác của Hội đồng nhiệm kỳ 2016-2021.

Mặc dù chịu tác động của đại dịch Covid-19, song, Hội đồng vẫn bám sát Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; kế hoạch công tác của các tiểu ban Đại hội XIII; căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm của năm 2020, đã triển khai và hoàn thành một khối lượng lớn công việc. Nổi bật là những công việc sau:

Trước hết là Thường trực Hội đồng đã phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động rất cao, thực sự đóng vai trò nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với Tổ Biên tập Tiểu ban Văn kiện và các tiểu ban khác trong xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 14,

đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nhấn mạnh: các văn kiện trình Đại hội XIII tiến hành rất công phu, bài bản, chu đáo, có nhiều điểm mới, tiến

bộ về chất so với trước.

Hai là, bảo đảm tiến độ và chất lượng nghiên cứu của Chương trình KX.04/16-20 và chuẩn bị Chương trình KX.04/21-25. Đến nay, 34/34 đề tài trong Chương trình đã thực hiện bảo vệ cấp quốc gia, về cơ bản đã bảo đảm tiến độ hợp đồng đã ký kết; 25 đề tài xuất sắc, 09 đề tài đạt yêu cầu. Đóng góp nổi bật nhất là kết quả của các đề tài trong chương trình đã được chặt lọc, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Ban Chỉ đạo tổng kết 30 năm, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), được đánh giá cao. Các sản phẩm của Chương trình, đề tài đã góp phần xây dựng 03

báo cáo tư vấn quan trọng trình Bộ Chính trị; các báo cáo luận cứ khoa học, thực tiễn phục vụ Trung ương, Bộ Chính trị ra các nghị quyết Trung

ương và Bộ Chính trị về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ và chủ nhiệm các đề tài đánh giá rất cao kết quả triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020 và cơ bản nhất trí với định hướng Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025.

Ba là, tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch. Đã xây dựng 34 chuyên đề về luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII; tổ chức 05 cuộc tọa đàm về phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII. Tham gia viết và biên tập cuốn sách “*Giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*” theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương.

Phát biểu kết luận hội nghị, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng biểu dương và đánh giá cao những nỗ lực phấn đấu của các đồng chí thành viên Hội

đồng, Thường trực Hội đồng và toàn thể cơ quan Hội đồng trong năm 2020. Đồng chí nhấn mạnh, năm 2021 là năm tiến hành Đại hội XIII và năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; năm chuẩn bị cho nhiệm kỳ mới của Hội đồng Lý luận Trung ương; năm bắt đầu triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025.

Trọng tâm xuyên suốt nhiệm vụ của Hội đồng trong năm 2021 là tham gia phục vụ việc học tập, quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; tổng kết hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021; triển khai thực hiện Quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021 - 2026, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, các quy chế, quy định mới của Hội đồng; triển khai Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025; tham gia đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; tổ chức tốt Lễ Kỷ niệm 25 năm thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương (1986-2021) □